



NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH BĂNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN
TRẦN VĂN NHÂN – NGUYỄN CHÍ TUẤN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ



Chân trời sáng tạo



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



**SÁCH GIÁO KHOA ĐƯỢC THẨM ĐỊNH BỞI HỘI ĐỒNG QUỐC GIA
THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5**

*(Theo Quyết định số 1963/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 7 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*



NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)

NGUYỄN KHÁNH BẰNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN

TRẦN VĂN NHÂN – NGUYỄN CHÍ TUẤN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mục tiêu

Những yêu cầu học sinh cần đạt được sau khi học xong mỗi bài.

Khởi động

Những hoạt động dẫn dắt học sinh vào bài mới, tạo hứng thú học tập cho học sinh.

Khám phá

Những nội dung của bài học (kênh hình, kênh chữ, các hoạt động) và hệ thống câu hỏi giúp học sinh hình thành kiến thức, kĩ năng.

Nhiệm vụ học tập cho học sinh trong từng nội dung bài học.

Chủ đề 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

Bậc 1

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.



Khởi động

Hãy nêu những điều em biết về hai địa danh trong hình 1 và hình 2.



Hình 1. Cột cờ Lũng Cú (Hà Giang)



Hình 2. Biểu tượng mĩ thuật của Cà Mau (Cà Mau)



Khám phá

1. Vị trí địa lí và lãnh thổ

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí địa lí của Việt Nam.
- Mô tả hình dạng phần đất liền Việt Nam.

Việt Nam thuộc châu Á, nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, tiếp giáp với Biển Đông. Trên đất liền, Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc ở phía bắc, Cam-pu-chia (Cambodia) và Lào ở phía tây.

5



Luyện tập

- Vẽ sơ đồ về ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với một hoạt động sản xuất ở Việt Nam.
- Xác định vị trí của 5 thành phố trực thuộc trung ương ở Việt Nam trên hình 3.



Vận dụng

Lễ chào cờ và hát Quốc ca ở trường em thường diễn ra trong dịp nào?

Luyện tập

Những câu hỏi, bài tập để học sinh củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện kĩ năng.

Vận dụng

Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn hoặc để trình bày quan điểm về một số vấn đề lịch sử, địa lí, xã hội ở mức độ đơn giản.

Câu chuyện lịch sử

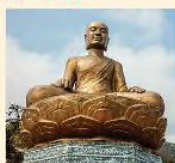
Những câu chuyện kể về các sự kiện, nhân vật... trong quá khứ.



Phật hoàng Trần Nhân Tông

Trần Nhân Tông là vị vua thứ ba của Triều Trần. Ông đã lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai và thứ ba. Sau khi nhường ngôi cho con, ông trở thành Thái Thượng hoàng, đồng thời còn hướng dẫn vua Trần Anh Tông trị nước. Ông trở thành người sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, dòng Phật giáo chính thống của dân tộc ta.

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trường Hữu Quỳnh, Tư liệu nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)



Hình 1. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258 – 1308) (khu di tích Yên Tử, Quảng Ninh)

Em có biết

Những thông tin hỗ trợ, bổ sung nhằm minh hoạ thêm cho nội dung của bài học.



Em có biết?

Quạt con cóc là một trong số ít những vật dụng được sản xuất tại Việt Nam thời bao cấp, được xem một trong các món hàng xa xỉ. Người ta gọi là quạt con cóc vì thân quạt gồm hai mảnh nhựa ép vào nhau, khiến thân quạt gù trông như con cóc.



Hình 4. Quạt con cóc thời bao cấp

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Tiếp nối những nội dung về lịch sử và địa lí ở lớp 4, sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 5 (bộ sách Chân trời sáng tạo)* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được biên soạn bám sát Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử và Địa lí (cấp Tiểu học).

Sách gồm 26 bài học, được sắp xếp theo 6 chủ đề khác nhau, bao gồm: *Đất nước và con người Việt Nam, Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam, Các nước láng giềng, Tìm hiểu thế giới, Chung tay xây dựng thế giới*. Từ đó, các em sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về địa lí, lịch sử, văn hoá của đất nước Việt Nam và một số quốc gia, khu vực trên thế giới; bồi dưỡng cho các em tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường, tinh thần chung sống hoà đồng, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá của các dân tộc nhằm chung tay xây dựng một thế giới xanh – sạch – đẹp và hoà bình.

Hệ thống kênh chữ, kênh hình, hoạt động trong sách được các tác giả chú ý lựa chọn và biên soạn với mong muốn đem đến cho các em một tài liệu học tập bổ ích và hấp dẫn.

Hi vọng các em sẽ có một chặng đường đồng hành thật thú vị cùng quyển sách này.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
MỤC LỤC	4
CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM	5
Bài 1. Vị trí địa lý, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca	5
Bài 2. Thiên nhiên Việt Nam	9
Bài 3. Biển, đảo Việt Nam	14
Bài 4. Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	18
CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM	22
Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc	22
Bài 6. Vương quốc Phù Nam	27
Bài 7. Vương quốc Chăm-pa	30
CHỦ ĐỀ 3: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	33
Bài 8. Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc	33
Bài 9. Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long	36
Bài 10. Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên	40
Bài 11. Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê	44
Bài 12. Triều Nguyễn	48
Bài 13. Cách mạng tháng Tám năm 1945	51
Bài 14. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	56
Bài 15. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	60
Bài 16. Đất nước đổi mới	63
CHỦ ĐỀ 4: CÁC NƯỚC LÃNG GIỀNG	67
Bài 17. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	67
Bài 18. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	72
Bài 19. Vương quốc Cam-pu-chia	76
Bài 20. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	80
CHỦ ĐỀ 5: TÌM HIỂU THẾ GIỚI	83
Bài 21. Các châu lục và đại dương trên thế giới	83
Bài 22. Dân số và các chủng tộc trên thế giới	89
Bài 23. Văn minh Ai Cập	92
Bài 24. Văn minh Hy Lạp	95
CHỦ ĐỀ 6: CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI	99
Bài 25. Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp	99
Bài 26. Xây dựng thế giới hoà bình	103
HƯỚNG DẪN ÔN TẬP	106
THUẬT NGỮ	110

Chủ đề 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

Bài 1

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.



Khởi động

Hãy nêu những điều em biết về hai địa danh trong hình 1 và hình 2.



Hình 1. Cột cờ Lũng Cú (Hà Giang)



Hình 2. Biểu tượng mũi Cà Mau (Cà Mau)



Khám phá

1. Vị trí địa lí và lãnh thổ

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí địa lí của Việt Nam.
- Mô tả hình dạng phần đất liền Việt Nam.

Việt Nam thuộc châu Á, nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, tiếp giáp với Biển Đông. Trên đất liền, Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc ở phía bắc, Cam-pu-chia (Cambodia) và Lào ở phía tây.

Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm: vùng đất, vùng biển và vùng trời. Phần đất liền Việt Nam có hình chữ S, trải dài theo chiều Bắc – Nam, hẹp theo chiều ngang, diện tích hơn 331 nghìn km². Vùng biển Việt Nam thuộc Biển Đông với diện tích khoảng 1 triệu km², có nhiều đảo và quần đảo. Đường bờ biển dài khoảng 3 260 km.

2. Ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất

Đọc thông tin, em hãy cho biết vị trí địa lí có ảnh hưởng như thế nào đến tự nhiên và hoạt động sản xuất ở Việt Nam.

Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên Việt Nam mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa: khí hậu nóng, ẩm; sinh vật phong phú;...

Vị trí địa lí tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, du lịch, giao thông vận tải; thúc đẩy giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam cũng nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, nhất là bão.

3. Đơn vị hành chính

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Cho biết Việt Nam có bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Kể tên một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam.

Việt Nam có 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm 58 tỉnh và 5 thành phố trực thuộc trung ương (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ). Thành phố Hà Nội là thủ đô của Việt Nam.

4. Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca

Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca là biểu tượng của đất nước và con người Việt Nam; thể hiện ý chí, truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy nêu ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca Việt Nam.

Quốc kì

Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, màu vàng tượng trưng cho dân tộc Việt Nam. Năm cánh sao tượng trưng cho năm tầng lớp: sĩ, nông, công, thương, binh cùng đoàn kết



Hình 4. Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam; lá cờ đỏ sao vàng năm cánh là hồn nước, niềm tự hào và biểu tượng thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Quốc kì thể hiện cho sự thống nhất, độc lập, tự chủ và hoà bình của dân tộc Việt Nam.

Quốc huy

Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hình ảnh bông lúa vàng bao quanh tượng trưng cho nông nghiệp, bánh xe tượng trưng cho công nghiệp. Quốc huy thể hiện khát vọng nền hoà bình, độc lập, tự do và về một nước Việt Nam phát triển thịnh vượng, sánh vai cùng các quốc gia trên thế giới.



Hình 5. Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Quốc ca



Hình 6. Buổi lễ chào cờ của học sinh Trường Tiểu học Xuân Hương (Bắc Giang)

Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài *Tiến quân ca*, do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác năm 1944. Quốc ca mang theo ước vọng của dân tộc Việt Nam về độc lập, hoà bình và sự trường tồn.

Chào cờ Tổ quốc và hát Quốc ca là một nghi lễ thiêng liêng, nghi thức quan trọng, thể hiện tinh thần yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc và trách nhiệm của mỗi công dân đối với đất nước, với nhân dân.



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ về ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với một hoạt động sản xuất ở Việt Nam.
2. Xác định vị trí của 5 thành phố trực thuộc trung ương ở Việt Nam trên hình 3.



Vận dụng

Lễ chào cờ và hát Quốc ca ở trường em thường diễn ra trong dịp nào?



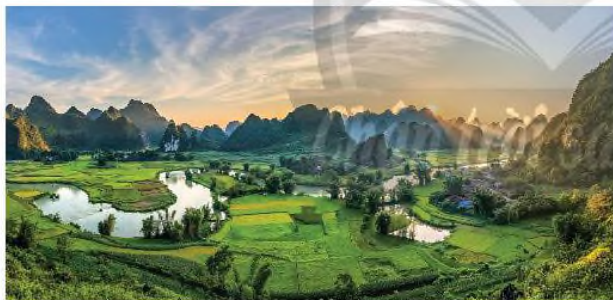
Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...).
- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
- Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.



Khởi động

Hãy chia sẻ nhận xét của em về thiên nhiên ở các hình 1, 2.



Hình 1. Cảnh quan thiên nhiên ở Cao Bằng



Hình 2. Cánh đồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long



Khám phá

1. Đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam Địa hình và khoáng sản

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Trình bày đặc điểm địa hình Việt Nam.
- Kể tên và xác định trên lược đồ một số khoáng sản chính của Việt Nam.



Hình 3. Lược đồ tự nhiên Việt Nam

Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi, chiếm khoảng $\frac{3}{4}$ diện tích phần đất liền. Phần lớn các dãy núi có hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung. Đồng bằng chiếm khoảng $\frac{1}{4}$ diện tích. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có diện tích lớn, khá bằng phẳng; các đồng bằng duyên hải miền Trung hẹp và bị chia cắt bởi các dãy núi nhỏ lan ra sát biển.

Việt Nam có nguồn khoáng sản phong phú, đa dạng. Phần lớn các mỏ khoáng sản có quy mô trung bình và nhỏ. Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn như than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, thiếc, a-pa-tít (apatite), bô-xít (bauxite),...

Khí hậu

Đọc thông tin, em hãy trình bày đặc điểm của khí hậu Việt Nam.

Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm cao, trên 20°C. Tổng lượng mưa lớn, trung bình trên 1 500 mm/năm. Việt Nam có hai mùa gió chính là gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông.

Khí hậu Việt Nam có sự khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam. Miền Bắc có hai mùa chính là mùa nóng và mùa lạnh. Miền Nam có khí hậu nóng quanh năm với hai mùa là mùa khô và mùa mưa.

Sông ngòi

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy trình bày một số đặc điểm sông ngòi Việt Nam.

Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc. Sông ngòi chảy theo hai hướng chính là tây bắc – đông nam và vòng cung. Các sông lớn có nhiều nước và phù sa. Lượng nước của sông ngòi thay đổi theo mùa.



Hình 4. Sông Hậu – đoạn chảy qua thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long

Đất

Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy trình bày một số đặc điểm của đất ở Việt Nam.

Việt Nam có hai nhóm đất chính là đất phù sa và đất phe-ra-lít (feralit).

Đất phù sa tập trung chủ yếu ở đồng bằng, chiếm khoảng $\frac{1}{4}$ diện tích đất



Hình 5. Đất phe-ra-lít (Lâm Đồng)

tự nhiên, khá màu mỡ. Đất phe-ra-lít phân bố tập trung ở vùng đồi núi, chiếm khoảng $\frac{3}{4}$ diện tích đất tự nhiên, có màu đỏ vàng đến nâu đỏ.

Rừng

Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy trình bày một số đặc điểm cơ bản của tài nguyên rừng ở Việt Nam.

Việt Nam có nhiều kiểu rừng như rừng kín thường xanh, rừng trên núi đá vôi, rừng ngập mặn, rừng tre nứa,... Tỷ lệ che phủ rừng ở Việt Nam khá lớn, chiếm 42% diện tích lãnh thổ (năm 2021). Trong những năm gần đây, diện tích rừng đã tăng lên đáng kể, chủ yếu do trồng mới. Rừng được phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi và ven biển. Ở đồng bằng, diện tích rừng còn rất ít.



Hình 6. Rừng kín thường xanh ở vườn quốc gia Cúc Phương (Ninh Bình, Hoà Bình, Thanh Hoá)

2. Ảnh hưởng của thiên nhiên Việt Nam đến sản xuất và đời sống

Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy:

- Nêu vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.

Thiên nhiên Việt Nam có ý nghĩa lớn trong phát triển kinh tế, đặc biệt vai trò của tài nguyên thiên nhiên với công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và du lịch.



Hình 7. Sơ đồ thể hiện vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế

Tuy nhiên, Việt Nam thường chịu ảnh hưởng của các thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn,... Địa hình đồi núi nhiều chia cắt, chế độ nước sông thay đổi theo mùa,... ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất.

3. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

Đọc thông tin và quan sát các hình 8, 9, 10, 11, em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.



Hình 8. Trồng rừng ven biển (Cà Mau)



Hình 9. Trồng dừa trên đất dốc (Điện Biên)



Hình 10. Tàu thuyền neo đậu tránh bão số 6 năm 2021 (Đà Nẵng)



Hình 11. Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở Việt Nam



Luyện tập

1. Lập sơ đồ thể hiện đặc điểm của một trong những thành phần thiên nhiên Việt Nam.
2. Tại sao tài nguyên thiên nhiên có vai trò quan trọng trong sản xuất và đời sống?



Vận dụng

Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Sưu tầm tranh, ảnh về một loại tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam, sau đó giới thiệu về vai trò của loại tài nguyên đó với các bạn cùng lớp.
2. Vẽ một bức tranh nhằm tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hoặc phòng, chống thiên tai.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa,...).
- Sưu tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.



Khởi động

Em hãy kể tên các tỉnh, thành phố ven biển ở Việt Nam mà em biết.



Khám phá

1. Khái quát về biển, đảo Việt Nam

Chân trời sáng tạo

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.

Vùng biển Việt Nam thuộc Biển Đông với diện tích khoảng 1 triệu km².

Việt Nam có nhiều đảo và quần đảo, trong đó hai quần đảo lớn là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Ba đảo lớn nhất Việt Nam là đảo Phú Quốc (Kiên Giang), đảo Cát Bà (Hải Phòng) và đảo Cái Bầu (Quảng Ninh).



Em có biết?

Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất Việt Nam, với diện tích hơn 589 km². Năm 2021, Phú Quốc trở thành thành phố đảo đầu tiên và được mệnh danh là "Đảo Ngọc" với nhiều địa điểm du lịch hấp dẫn.



Hình 1. Lược đồ biển, đảo Việt Nam

2. Công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, em hãy trình bày một số nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận quan trọng của lãnh thổ Việt Nam. Qua nhiều thế kỉ, ông cha ta không ngừng khẳng định và đấu tranh nhằm bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Từ thế kỉ XVII, nhà nước Việt Nam thực hiện nhiều hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí và khai thác tài nguyên ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Năm 1838, vua Minh Mạng cho vẽ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* thể hiện rõ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là của Việt Nam. Thời Pháp thuộc, bia chủ quyền được Pháp dựng ở quần đảo Hoàng Sa.



Em có biết?

Theo sách “*Phủ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn, vào đầu thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn thành lập “*đội Hoàng Sa*” và sau thêm *đội Bắc Hải* để giương buồm vượt sóng ra khơi tìm kiếm sản vật, đo đạc đường biển, tuần phòng trên Biển Đông. Họ cắm cột mốc trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.



Hình 2. Tượng đài đội Hoàng Sa kiêm quân Bắc Hải (Quảng Ngãi)



Chân trời sáng tạo

Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa

Lễ Khao lễ thể lính là một nghi lễ trang trọng được tổ chức trước khi *đội Hoàng Sa* đi làm nhiệm vụ quản lí và khai thác sản vật trên vùng biển ở quần đảo Hoàng Sa. “*Khao lễ*” là lệ khao định kì hằng năm, còn “*thể lính*” là việc cúng thể mạng cho những binh phu ra đảo. Lễ thức gồm các lễ nhỏ như lễ yết, lễ cung nghinh, lễ thả thuyền,... Năm 2013, lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa được ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

(Theo Hà Minh Hồng – Trần Nam Tiến – Nguyễn Kim Hoàng – Ngô Hữu Phước, *Chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019)



Hình 3. Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa được tổ chức tại huyện Lý Sơn (Quảng Ngãi)

Năm 1982, Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa và huyện đảo Trường Sa, tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Năm 2002, Việt Nam kí Tuyên bố về ứng xử của các Bên ở Biển Đông.

Việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông có ý nghĩa to lớn đối với phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng.



Hình 4. Chiến sĩ hải quân canh gác cột mốc chủ quyền trên đảo Song Tử Tây (huyện đảo Trường Sa, Khánh Hòa)

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng thông tin về biển, đảo Việt Nam theo mẫu dưới đây vào vở:

Nội dung	Thông tin
Vùng biển Việt Nam	?
Tên một số quần đảo	?
Tên một số đảo	?

2. Nêu một số bằng chứng để khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông.
3. Sưu tầm, kể lại một câu chuyện hoặc đọc một bài thơ về biển, đảo Việt Nam, sau đó nêu ý nghĩa của câu chuyện hoặc bài thơ đó.

Vận dụng

Viết một bức thư thể hiện sự biết ơn gửi đến các chú bộ đội ở hải đảo xa đang ngày đêm làm nhiệm vụ canh giữ, bảo vệ bình yên cho Tổ quốc.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.
- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu.
- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.



Khởi động

Ở cột cờ Lũng Cú (Hà Giang), Quốc kì Việt Nam có chiều dài 9 m, chiều rộng 6 m và tổng diện tích là 54 m². Theo em, diện tích này cho biết thông tin gì về dân tộc Việt Nam?



Khám phá

1. Dân cư

Quy mô dân số

Đọc thông tin và dựa vào bảng 1, em hãy cho biết:

- Số dân Việt Nam năm 2021.
- Các quốc gia có số dân lớn hơn và số dân nhỏ hơn Việt Nam năm 2021.

Việt Nam là nước đông dân. Năm 2021, số dân Việt Nam khoảng 98,5 triệu người, xếp thứ 15 trên thế giới và thứ 3 ở khu vực Đông Nam Á.

Chân trời sáng tạo

Bảng 1. Số dân của Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á năm 2021

Quốc gia	Số dân (triệu người)
Bru-nây (Brunei)	0,5
Cam-pu-chia	15,7
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	275,1
Lào	7,5
Ma-lai-xi-a (Malaysia)	32,8
Mi-an-ma (Myanmar)	55,5
Phi-líp-pin (Philippines)	110,2
Xin-ga-po (Singapore)	5,7
Thái Lan	66,7
Ti-mo Lét-xtê (Timor-Leste)	1,3
Việt Nam	98,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

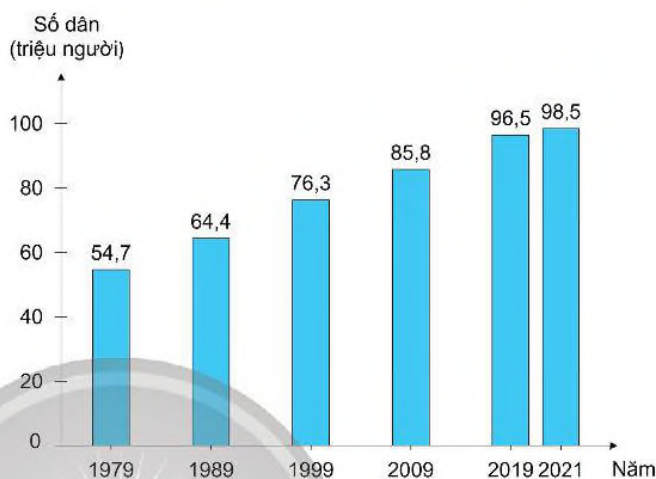
Gia tăng dân số

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Nhận xét sự gia tăng số dân của Việt Nam giai đoạn 1979 – 2021.
- Nêu một số hậu quả do dân số tăng nhanh gây ra.

Số dân Việt Nam tăng nhanh, cung cấp nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn nhưng đồng thời cũng gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường,...

Hiện nay, tốc độ tăng dân số ở Việt Nam đã giảm.



Hình 1. Biểu đồ thể hiện số dân Việt Nam giai đoạn 1979 – 2021

Phân bố dân cư

Đọc thông tin và dựa vào bảng 2, em hãy:

- Nêu số dân của mỗi vùng. Cho biết vùng đông dân nhất và vùng ít dân nhất Việt Nam.
- Nêu một số hậu quả do phân bố dân cư chưa hợp lý gây ra.

Năm 2021, mật độ dân số Việt Nam là 297 người/km², cao gấp 5 lần so với mức trung bình của thế giới. Việt Nam có dân cư đông đúc nhưng phân bố không đều. Phần lớn dân cư sinh sống ở các khu vực đồng bằng. Khoảng $\frac{2}{3}$ dân cư tập trung ở khu vực nông thôn.

Bảng 2. Số dân các vùng ở Việt Nam năm 2021

Các vùng	Số dân (triệu người)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	13,0
Đồng bằng Bắc Bộ	23,2
Duyên hải miền Trung	20,6
Tây Nguyên	6,0
Nam Bộ	35,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

Nơi tập trung dân cư quá đông gây khó khăn cho giải quyết việc làm, gia tăng kẹt xe, ô nhiễm môi trường,... Nơi dân cư thưa thớt sẽ gây thiếu lao động. Vì vậy, phân bố dân cư chưa hợp lí gây nhiều bất lợi cho phát triển kinh tế và đời sống người dân.

2. Dân tộc

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Cho biết Việt Nam có bao nhiêu dân tộc. Kể tên một số dân tộc.
- Nêu một số nét văn hoá của các dân tộc ở Việt Nam.
- Kể một số câu chuyện về tinh đoàn kết của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam.

Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc, bao gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Người Kinh có số lượng đông nhất, các dân tộc còn lại như người Mông, Thái, Tày, Nùng,... có số lượng ít hơn. Mỗi dân tộc có những nét văn hoá riêng, thể hiện ở tiếng nói, nếp sống, phong tục, tín ngưỡng, nghệ thuật, ẩm thực,... tạo nên sự đa dạng trong văn hoá Việt Nam.



a) Lễ hội Hoa Ban của các dân tộc vùng Tây Bắc (Điện Biên)



b) Lễ hội Đua ghe ngo của dân tộc Khơ-me (Khmer) (Sóc Trăng)



c) Lễ hội Cầu ngư của dân tộc Kinh (Đà Nẵng)

Hình 2. Lễ hội truyền thống của một số dân tộc ở Việt Nam

Trong công cuộc xây dựng đất nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm, truyền thống đoàn kết của các dân tộc Việt Nam đã hình thành và phát triển.



Thủ lĩnh Xa Khả Tham với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

Chuyện kể rằng, trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427), khi nghĩa quân mở rộng địa bàn hoạt động ra vùng núi Bắc Bộ, đã nhận được sự ủng hộ của các thủ lĩnh địa phương, trong đó có Xa Khả Tham (người dân tộc Thái). Hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn và Xa Khả Tham ở tỉnh Sơn La, Hoà Bình, Phú Thọ,... thu hút sự tham gia của các dân tộc như Mường, Thái,... Đồng bào tiếp tế lương thực, voi, ngựa cho nghĩa quân, góp phần giúp nghĩa quân Lam Sơn phát triển lực lượng, tiến tới chiến thắng quân Minh xâm lược. (Theo Địa chí Hoà Bình, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)



Cuộc khởi nghĩa Võ Trứ chống thực dân Pháp

Võ Trứ (1852 – 1898) và Trần Cao Vân (1866 – 1916) là những người yêu nước, ủng hộ phong trào Cần vương chống Pháp. Sau khi phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định thất bại, Võ Trứ và Trần Cao Vân tập hợp lực lượng để chống Pháp ở Trung Kỳ. Phong trào được sự ủng hộ tích cực của các già làng và đồng bào người Ê Đê, Chăm, Ba Na,... cũng như các nhà sư, nhà yêu nước người Kinh. Năm 1898, nghĩa quân Võ Trứ tiến hành một số hoạt động đánh Pháp. Trên đường tiến công, nghĩa quân được nhân dân các dân tộc trong vùng đón mừng, tiếp tế lương thực và gia nhập nghĩa binh làm cho lực lượng tăng lên rất nhanh. Tuy nhiên, do chênh lệch về lực lượng và vũ khí, cuộc khởi nghĩa Võ Trứ thất bại, nhưng đây là một trong những minh chứng cho tinh thần đoàn kết, yêu nước chống quân xâm lược của đồng bào các dân tộc Việt Nam.

(Theo Địa chí Phú Yên, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003)



Em có biết?

Nhân dịp Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku (Gia Lai) ngày 19 – 4 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư chúc mừng và căn dặn: “Hôm nay đồng bào khai hội, sum họp một nhà thật là vui vẻ (...). Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xơ Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau (...)”.



Luyện tập

Chân trời sáng tạo

1. Dựa vào bảng 1, so sánh số dân Việt Nam với số dân của Xin-ga-po, Lào, Cam-pu-chia.
2. Lập sơ đồ về hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí theo mẫu dưới đây vào vở:



Vận dụng

Hãy kể lại việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết ở địa phương em sinh sống.

Chủ đề 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Bài
5

NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.
- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (*Sơn Tinh – Thủy Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...*), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.



Khởi động

Thành tựu tiêu biểu nào sau đây là của nền văn minh sông Hồng? Chia sẻ điều em biết về thành tựu đó.

Sự hình thành Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc

Trống đồng Đông Sơn

Châu bản Triều Nguyễn



Khám phá

Chân trời sáng tạo

1. Sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy trình bày sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc.

Khoảng thế kỉ VII TCN, Nhà nước Văn Lang ra đời, đứng đầu là Hùng Vương, kinh đô đặt ở Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ ngày nay). Đây là nhà nước đầu tiên của nước ta với thành phần cư dân chính là người Lạc Việt. Sau kháng chiến chống Tần thắng lợi (năm 208 TCN), Thục Phán đã lập ra nước Âu Lạc, xưng là An Dương Vương, đóng đô ở Phong Khê (nay là Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội).

Sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc được phản ánh qua các truyền thuyết về thời kì Hùng Vương và An Dương Vương như *Con Rồng cháu Tiên, Hùng Vương*

chọn đất đóng đô, An Dương Vương xây Thành Cổ Loa,... và những bằng chứng khảo cổ học về nền văn hoá Đông Sơn như trống đồng Đông Sơn, dấu vết Thành Cổ Loa,...



Hùng Vương chọn đất đóng đô

Vua Hùng đến nhiều vùng dọc sông Thao, sông Đà chọn đất đóng đô cho nước Văn Lang nhưng chưa tìm được nơi phù hợp. Một hôm, vua tới một vùng đất trước mặt có ba con sông tụ hội, hai bên là núi Tản Viên – Tam Đảo châu vể, đối núi gần xa. Giữa những quả đồi xanh tốt ấy có ngọn núi lớn hình voi mẹ nằm giữa đàn con. Phóng tầm mắt nhìn ra bốn phía thấy ba bể bãi rộng bồi đắp phù sa, bốn mặt cây xanh hoa tươi quả ngọt, vua mừng rỡ, khen thế đất vững bền, thực là đất hợp muôn dân. Vua quyết định đặt đô ở đó, gọi tên là thành Phong Châu.

(Theo Nguyễn Khắc Xương, *Truyền thuyết Hùng Vương*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2012)



Sự tích Thành Cổ Loa

Vào buổi đầu lập nước Âu Lạc, An Dương Vương đã chọn Phong Khê làm nơi đóng đô. Để bảo vệ kinh đô, vua cho xây Thành Cổ Loa tại đây. Thành cứ đắp cao lên lại đổ sập xuống. Nhiều lần như vậy, An Dương Vương rất lo lắng. Nhà vua lập đàn cầu trời phù hộ. Bỗng một cụ già râu tóc bạc trắng hiện lên, nói với vua rằng: “Sáng mai, nhà vua ra đón ở bờ sông, sẽ có thần Kim Quy đến giúp”.

Hôm sau, khi trời còn tờ mờ sáng, An Dương Vương đã ra tận bờ sông đợi. Trời vừa hết sương thì có một con rùa vàng rất lớn bơi vào bờ, tự xưng mình là thần Kim Quy, sứ giả của vua Thủy Tề. Nhờ có thần Kim Quy giúp đỡ, chẳng bao lâu, thành đã đắp xong. Thành có ba vòng, xoắn như hình trôn ốc, gọi là Thành Cổ Loa.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)



Hình 1. Trống đồng Hoàng Hạ



Hình 2. Cổng đền thờ An Dương Vương thuộc khu di tích Cổ Loa

2. Đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, 7, em hãy:

- Mô tả đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.
- Cho biết đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc được thể hiện như thế nào qua truyền thuyết “Vua Hùng dạy dân cấy lúa”.

Cư dân Văn Lang, Âu Lạc chủ yếu sống bằng nghề nông trồng lúa nước. Họ dùng lưỡi cày, lưỡi hái, cuốc, rìu,... bằng đồng làm công cụ sản xuất và chế tạo các đồ dùng phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt như thạp đồng, thau, chậu, bình gốm, muôi đồng,...



Hình 3. Thạp đồng Đào Thịnh



Hình 4. Muôi đồng



Hình 5. Bình gốm



a)



b)

Hình 6. Lưỡi cày đồng



Em có biết?

Mộ thuyền Việt Khê được tìm thấy ở xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng), bên trong chứa hơn 100 hiện vật gồm nhiều công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt, vũ khí chiến đấu,... của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. Mộ thuyền Việt Khê được công nhận là Bảo vật quốc gia vào năm 2013.



Hình 7. Mộ thuyền Việt Khê (Hải Phòng)



Vua Hùng dạy dân cấy lúa

Thuở xưa, người dân chưa biết cày cấy làm ra thóc gạo, chỉ sống bằng săn bắt thú rừng, thu lượm rễ cây, hoa quả và các loại rau dại, lúa hoang nhặt được. Nhận thấy, vùng đất ven sông hằng năm được phù sa bồi thêm màu mỡ, vua Hùng tổ chức cho dân đến đắp bờ giữ nước. Thấy lúa mọc hoang nhiều, vua mới bày cách cho dân gỡ hạt, gieo mạ. Khi mạ lên xanh thì đem cấy vào ruộng có nước. Từ đó, nghề nông được hình thành và đem lại cuộc sống no ấm cho người dân.

(Theo Nguyễn Khắc Xương, Truyền thuyết Hùng Vương, Sđd)

3. Công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

Đọc thông tin và quan sát các hình 8, 9, 10, em hãy:

- Trình bày công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
- Cho biết “Sự tích nỏ thần” phản ánh công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Âu Lạc như thế nào.

Từ khi lập nước, cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã nhiều lần chiến đấu chống giặc phương Bắc xâm lược. Đến năm 179 TCN, Âu Lạc bị quân của Triệu Đà – vua nước Nam Việt (thuộc Trung Quốc) tấn công và bị sáp nhập vào Nam Việt. Công cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước của người dân Văn Lang, Âu Lạc được thể hiện qua các truyền thuyết như *Thánh Gióng*, *Sự tích nỏ thần*.



Hình 8. Rìu chiến



Hình 9. Mũi tên đồng



Hình 10. Lẫy nỏ



Sự tích nỏ thần

Sau khi Thành Cổ Loa được xây xong, An Dương Vương rất lo lắng về việc bảo vệ bảo vệ thành. Thấy được bản khoả của nhà vua, thần Kim Quy lại hiện lên và trao cho vua một chiếc vuốt để làm lẫy nỏ chống giặc.

Nhờ có nỏ thần, giặc phương Bắc nhiều lần xâm lược nước ta đều thất bại. Triệu Đà thấy vậy bèn xin giảng hoà và sai con trai là Trọng Thủy sang cầu hôn công chúa My Châu nhằm tìm hiểu bí mật của nước Âu Lạc. Vua An Dương Vương đã đồng ý chọn Trọng Thủy làm rể. Một thời gian sau, Trọng Thủy đã đánh tráo nỏ thần và đem về nước dâng cho Triệu Đà. Do mất cảnh giác, quân An Dương Vương thua trận. Nước ta bị giặc phương Bắc đô hộ.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, Sđd)



Luyện tập

1. Kể tên một số truyền thuyết, hiện vật khảo cổ liên quan đến sự ra đời và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.
2. Truyền thuyết *Vua Hùng dạy dân cấy lúa* cho em biết điều gì về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?



Vận dụng

Sưu tầm và kể lại một số truyền thuyết có liên quan đến đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc (gợi ý: *Truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy; Sự tích Dưa hấu; ...*).



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.
- Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.



Khởi động

Địa bàn chủ yếu của nước Phù Nam thuộc Nam Bộ Việt Nam ngày nay. Em hãy kể tên một số tỉnh ở khu vực này.



Khám phá

1. Sự thành lập nước Phù Nam

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy trình bày sự thành lập của nước Phù Nam.

Nước Phù Nam ra đời vào thế kỉ I, thể hiện qua một số bằng chứng di chỉ khảo cổ học như Ốc Eo (An Giang), Nền Chùa và Cạnh Đền (Kiên Giang), Gò Tháp (Đồng Tháp). Đồng thời, sự thành lập của Phù Nam còn gắn với truyền thuyết về cuộc hôn nhân giữa Hồn Diên và Liễu Diệp.



Hình 1. Dấu tích nền đất bằng gạch do cư dân Phù Nam xây dựng ở Ốc Eo (An Giang)



Truyện thuyết Hồn Điên – Liễu Diệp

Thuở xưa, Vương quốc Phù Nam được cai trị bởi Nữ vương Liễu Diệp. Lúc bấy giờ, tại nước Ấn Độ có một chàng trai tên là Hồn Điên, đêm nằm mộng được thần ban cho làm vua. Hôm sau, Hồn Điên đến đền thần và tìm thấy một cây cung. Chàng cùng với một số chiến binh dong thuyền tới Phù Nam. Liễu Diệp thấy thuyền lạ đến nên dẫn quân ra bắt giữ. Hồn Điên giương cung từ xa bắn, quân Liễu Diệp không chống trả được, xin hàng. Về sau, hai người kết hôn và cùng cai trị nước Phù Nam.

(Theo Lương Ninh, Vương quốc Phù Nam – Lịch sử và văn hoá,
NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2005)

2. Một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, 5, 6, 7, em hãy kể tên và mô tả các hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

Trên địa bàn sinh sống của cư dân Phù Nam xưa, nhiều hiện vật khảo cổ học đã được tìm thấy như đồ gốm, các tượng Phật, đồ trang sức,...

Đồ gốm

Chân trời sáng tạo



Hình 2. Bình
gốm cao



Hình 3. Bình
gốm có vòi



Hình 4. Li gốm

Nghệ thuật tạc tượng



Hình 5. Tượng Phật gỗ Phù Nam

Đồ trang sức



Hình 6. Vòng cổ bằng đá



Hình 7. Nhẫn vàng



Em có biết?

Tượng Phật đứng của cư dân Phù Nam được tìm thấy nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, di chỉ Nền Chùa ở tỉnh Kiên Giang khai quật được 20 pho tượng. Đặc biệt, một nửa số tượng này được tạc bằng gỗ, có pho tượng cao 2,2 m.

Chân trời sáng tạo



Luyện tập

1. Em biết về Vương quốc cổ Phù Nam qua những tư liệu nào?
2. Chọn và mô tả hai hiện vật khảo cổ học của cư dân Phù Nam mà em ấn tượng.



Vận dụng

Viết một bức thư ngắn giới thiệu về Vương quốc Phù Nam cho một người bạn ở nước ngoài.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa (Champa) còn lại cho đến ngày nay.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) mô tả được một đền tháp Chăm-pa.
- Tìm hiểu và kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.



Khởi động

Hãy kể tên một số di sản ở vùng Duyên hải miền Trung mà em biết.



Khám phá

1. Vị trí một số đền tháp Chăm-pa

Quan sát hình 1, em hãy kể tên và xác định vị trí của một số đền tháp Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay.

Vương quốc Chăm-pa ra đời vào thế kỉ II ở miền Trung Việt Nam ngày nay. Cư dân Chăm-pa thường xây dựng các đền tháp để làm nơi thờ cúng thần linh và sinh hoạt cộng đồng. Đền tháp Chăm-pa trở thành biểu tượng văn hoá và tôn giáo của đồng bào dân tộc Chăm.



Hình 1. Lược đồ một số đền tháp Chăm-pa ở Việt Nam

2. Kiến trúc của đền tháp Chăm-pa

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy mô tả một đền tháp Chăm-pa.

Các đền tháp Chăm-pa thường được xây bằng gạch nung màu đỏ. Trong mỗi khu đền tháp, các tháp có kiểu dáng đa dạng. Một trong những khu đền tháp tiêu biểu của cư dân Chăm-pa là Mỹ Sơn.

Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Phần lớn các đền tháp được xây theo kiểu hình tháp với những tầng bậc thu nhỏ dần đến đỉnh, mỗi tầng hình trang trí được lặp lại giống nhau. Không gian bên trong đền tháp khá chật hẹp, cánh cửa chính thường mở về hướng đông.



Hình 2. Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn (Quảng Nam)



Em có biết?

Khu di tích đền tháp Mỹ Sơn nằm trong danh sách xếp hạng 23 di tích quốc gia đặc biệt quan trọng. Từ năm 1999, khu di tích này đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá thế giới.

3. Một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy kể lại một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.



Tên gọi của đền tháp Bánh Ít

Tương truyền, người dân địa phương quan sát thấy hình dáng tháp giống chiếc bánh ít (một loại bánh đặc sản ở Bình Định, được làm bằng bột gạo, có hình như chiếc nón lá úp) nên đã dùng tên này để đặt cho tháp. Tháp còn có các tên khác như Thị Thiên, tháp Bạc.



Hình 3. Đền tháp Bánh Ít (Bình Định)

Sách “Đại Nam nhất thống chí” nói về việc bà Thị Thiện mở quán bán bánh ở chân núi xây tháp nên tháp có tên gọi ấy. Còn tên gọi tháp Bạc là do người Pháp đặt khi đến đây nghiên cứu.

Ngày nay, người dân trong vùng vẫn dùng tên gọi Bánh ít và tháp trở thành một công trình kiến trúc tiêu biểu của tỉnh Bình Định.

(Theo Viện Đông Nam Á, Tháp cổ Chăm-pa – Sự thật và huyền thoại, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1994)



Truyện thuyết Đô Klong Ga-rai (Đô Klong Garai)

Truyện thuyết kể rằng, vua Pô Klong Ga-rai thuở nhỏ phải đi buôn trâu để kiếm sống. Ông được Voi thần chọn làm vua Chăm-pa. Tại đồi Trầu, ông đã cho xây dựng nhiều công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất nông nghiệp, chỉ cho dân nhiều ngành nghề để phát triển kinh tế, chấn chỉnh hàng ngũ binh lính,... Về sau, dân chúng dựng đền tháp trên đồi Trầu để ghi nhớ công lao của ông.

Ngày nay, tháp trở thành trung tâm sinh hoạt văn hoá của người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận và thường tổ chức nhiều lễ hội lớn, nhỏ tại đây.



Hình 4. Đền tháp Pô Klong Ga-rai
(Ninh Thuận)

(Theo Viện Đông Nam Á, Tháp cổ Chăm-pa – Sự thật và huyền thoại, Sđd)

Chân trời sáng tạo



Luyện tập

1. Hoàn thành bảng thông tin về đền tháp Chăm-pa còn lại đến ngày nay theo mẫu dưới đây vào vở:

STT	Tên đền tháp	Tỉnh/ Thành phố
?	?	?

2. Giới thiệu về một đền tháp mà em yêu thích.



Vận dụng

Sưu tầm một số tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về đền tháp Chăm-pa, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

Chủ đề 3: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Bài 8

ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP THỜI KÌ BẮC THUỘC



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên và vẽ được đường thời gian thể hiện một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (ví dụ: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...).
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Ngô Quyền,...



Khởi động

Trong các nhân vật: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Ngô Quyền,... em đã biết về nhân vật nào? Hãy chia sẻ với các bạn cùng lớp những điều em biết về nhân vật đó.



Khám phá

Chân trời sáng tạo

1. Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Đọc thông tin, em hãy kể tên một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

Năm 179 TCN, Triệu Đà xâm lược và biến Âu Lạc thành một bộ phận lãnh thổ của Nam Việt. Từ đó, nhiều triều đại phong kiến phương Bắc đã thay nhau cai trị nước ta trong hơn 1 000 năm, giai đoạn này gọi là thời Bắc thuộc.

Thời kì này nhiều cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu đã nổ ra. Mở đầu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40), tiếp nối là hàng loạt các cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (năm 248), Lý Bí (năm 542), Mai Thúc Loan (năm 713 – 722), Khúc Thừa Dụ (năm 905),... Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền (năm 938) đã kết thúc hơn một nghìn năm đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, giành lại độc lập hoàn toàn cho đất nước ta.

2. Truyện kể về những nhân vật lịch sử tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy kể lại một số câu chuyện và nêu những điều em học được từ các câu chuyện đó.



Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa

Trưng Trắc, Trưng Nhị là con gái Lạc tướng vùng Mê Linh (thuộc Hà Nội ngày nay). Bất bình với chính sách cai trị hà khắc của chính quyền phương Bắc, đồng thời căm thù việc Thái thú Tô Định đã giết Thi Sách là chồng của Trưng Trắc. Mùa xuân năm 40, hai Bà đã phát cờ khởi nghĩa. Tương truyền vào ngày xuất quân, Trưng Trắc đã đọc lời thề với non sông:

"Một xin rửa sạch nước thù

Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng..."

Nghĩa quân của hai bà đã tập hợp được nhiều tướng lĩnh là phụ nữ, chiếm được 65 thành trì. Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên làm vua (gọi là Trưng Vương hay Trưng Nữ Vương), xây dựng chính quyền độc lập tự chủ.

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)



Hình 1. Trưng Vương trừ giặc Hán
(tranh dân gian Đông Hồ)



Em có biết?

Bà Triệu cười voi ra trận

Năm 248, dưới ách đô hộ của nhà Ngô, tại vùng Cửu Chân (Thanh Hoá), Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa. Tương truyền, bà đã có câu nói đầy khí phách:

"Tôi chỉ muốn cười gió đập sóng, chém cá kình lớn ở Biển Đông, quét sạch bờ cõi, cứu dân ra khỏi cảnh chìm đắm, há lại bắt chước người đời cúi đầu khom lưng làm tì thiếp kẻ khác, cam tâm phục dịch ở trong nhà ư?". Khởi nghĩa thất bại nhưng Bà Triệu vẫn sống mãi trong lòng nhân dân, hun đúc tinh thần đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta.



Lý Bí và nước Vạn Xuân

Lý Bí xuất thân trong một gia đình hào trưởng ở Phố Yên, Thái Nguyên ngày nay. Mùa xuân năm 542, tại vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội ngày nay), Lý Bí lãnh đạo nhân dân phát cờ khởi nghĩa, chống lại ách đô hộ của nhà Lương. Trải qua nhiều trận chiến cam go, năm 544, khởi nghĩa giành thắng lợi. Lý Bí lên ngôi vua (lấy hiệu là Lý Nam Đế). Ông đặt tên nước là Vạn Xuân với mong muốn xây dựng một đất nước độc lập lâu dài.

(Theo Lương Duyên – Nguyên Thi, Lý Bí và sự hình thành nước Vạn Xuân,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 2017)



Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng

Ngô Quyền là người Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội). Theo sử cũ, ông có “vẻ người khôi ngô, mắt sáng như chớp, dáng đi thông thả như hổ, có trí dũng, sức có thể nâng được vạc”. Khi hay tin Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ và cầu cứu quân Nam Hán, Ngô Quyền đã đem quân từ Ái Châu (Thanh Hoá, Nghệ An ngày nay) ra Bắc để trừng trị kẻ phản bội và chuẩn bị chống quân Nam Hán.

Năm 938, vua Nam Hán cử Lưu Hoàng Tháo đem các chiến thuyền lớn sang xâm lược nước ta. Ngô Quyền đã sai người đem cọc vạt nhọn, đầu bịt sắt, đóng tại cửa sông Bạch Đằng đổ ra biển và bố trí trận địa mai phục. Ông cho thuyền nhỏ ra khiêu chiến rồi vờ thua bỏ chạy. Quân giặc đuổi theo, thuyền vượt qua trận địa bãi cọc. Khi thủy triều rút, quân ta bắt ngờ phản công, chiến đấu quyết liệt. Thuyền giặc tháo chạy bị va vào bãi cọc nhọn, vỡ nát tan tành. Trận Bạch Đằng lịch sử “vang dội đến ngàn thu” đã mở ra thời kì độc lập của dân tộc.



Hình 2. Trận Bạch Đằng năm 938 (mô hình tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Hà Nội)

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)

Chân trời sáng tạo



Luyện tập

Vẽ đường thời gian thể hiện một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc theo gợi ý: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...



Vận dụng

Sưu tầm thông tin về các nhân vật lịch sử tiêu biểu khác trong thời kì Bắc thuộc, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp (gợi ý: Phùng Hưng, Mai Thúc Loan, Dương Đình Nghệ,...).



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Lý.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Lý thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử, như: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỗ Lan, Từ Đạo Hạnh,...
- Đọc và nêu nhận xét về nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*.



Khởi động

Hãy cho biết những công trình kiến trúc như Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu và chùa Một Cột được xây dựng dưới triều đại nào. Chia sẻ hiểu biết của em về một trong những công trình đó.



Khám phá

1. Sự thành lập Triều Lý và việc dời đô ra Đại La

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Trình bày sự thành lập của Triều Lý.
- Nêu nhận xét về nội dung và ý nghĩa của "*Chiếu dời đô*".

Năm 1009, Lý Công Uẩn được các quan lại ủng hộ, suy tôn lên làm vua, lấy niên hiệu là Thuận Thiên. Triều Lý được thành lập.

Mùa thu năm 1010, vua Lý Thái Tổ ban *Chiếu dời đô*, quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La. *Chiếu dời đô* đã cho thấy tầm nhìn của vua Lý Thái Tổ trong việc chọn kinh đô, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

Tư liệu

Chiếu dời đô

"Xưa các bậc đế vương mấy lần dời đô. Phải đâu các vua theo ý riêng mình mà tự tiện chuyển dời? Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu, trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi. Cho nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh..."

Hướng gì thành Đại La ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đứng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú, tốt tươi. Xem khắp đất Việt, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chỗ tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời. Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”

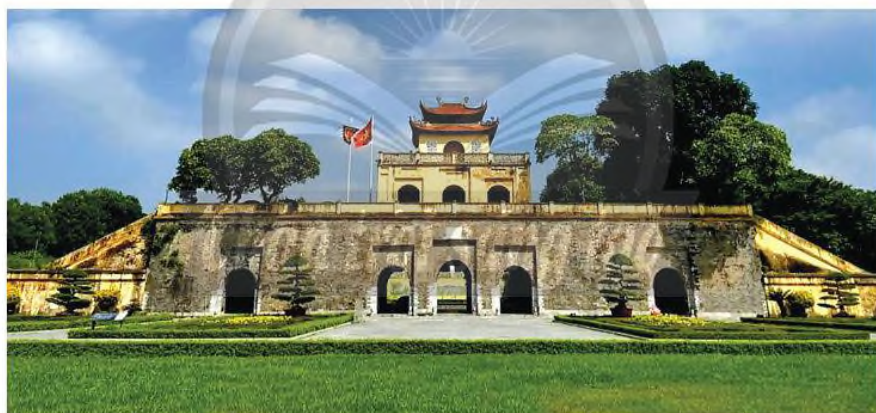
(Viện Văn học, *Thơ văn Lý – Trần*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, trang 229 – 230)



Sự tích thành Thăng Long

Truyện kể rằng, khi đoàn thuyền rồng của vua Lý Công Uẩn từ Hoa Lư ra đến thành Đại La bỗng có đám mây hình rồng vàng hiện lên ở đầu thuyền. Vua cho rằng đây là vùng đất tốt, có thể là chỗ dựa để phát triển đất nước. Vua quyết định chọn nơi đây làm kinh đô, đồng thời đổi tên Đại La thành Thăng Long – nghĩa là “Rồng bay lên”. Từ đó, Thăng Long chính thức trở thành trung tâm quan trọng bậc nhất về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhiều triều đại.

(Theo Vũ Khiêu (Chủ biên), *Danh nhân Hà Nội*, NXB Hà Nội, 2004)



Hình 1. Cổng Đoan Môn (Hà Nội)

2. Triều Lý xây dựng và bảo vệ đất nước

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, 5, em hãy nêu một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.

Triều Lý tiến hành xây dựng chính quyền, thực hiện hàng loạt những việc làm nhằm ổn định và phát triển đất nước như ban hành bộ *Luật Hình thư* (năm 1042), đổi tên nước thành Đại Việt (năm 1054), tổ chức khoa thi đầu tiên (năm 1075), thành lập Quốc Tử Giám (năm 1076),... Đồng thời, các vua Triều Lý cũng thực hiện nhiều biện pháp nhằm khuyến khích sản xuất nông nghiệp, giúp cho mùa màng

bội thu, cùng với đó là đẩy mạnh phát triển thủ công nghiệp và các hoạt động buôn bán.



Hình 2. Đền Đô – nơi thờ tám vị vua Triều Lý (Bắc Ninh)



Vua Lý Thái Tông cây ruộng

Lý Thái Tông là vị vua thứ hai của nhà Lý. Để khuyến khích việc cấy cày, mùa xuân năm 1038, vua Lý Thái Tông đến vùng Bồ Hải Khẩu (Thái Bình ngày nay) làm lễ tế Thần Nông. Khi vua tự cầm cày xuống ruộng, các quan thấy thế can ngăn. Vua nói: “Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì cho thiên hạ noi theo?”. Nói xong, vua tự cày ba đường rồi mới thôi. Việc làm của nhà vua đã thể hiện sự quan tâm, khuyến khích sản xuất nông nghiệp, góp phần làm cho đời sống của nhân dân ấm no.



Hình 3. Tượng vua Lý Thái Tông (1000 – 1054) đặt tại Đền Đô (Bắc Ninh)

(Theo Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002)



Em có biết?

Nguyên phi Ý Lan là vợ vua Lý Thánh Tông. Khi nhà vua đi đánh trận, bà được giao nhiệm vụ thay vua trị nước. Bà đã dạy nhân dân trồng dâu nuôi tằm và khuyên vua Lý Nhân Tông ra lệnh cấm tể giết trâu bò bữa bái, để dân có đủ sức kéo. Bà được nhân dân ngợi ca khắp nơi.



Hình 4. Tượng Nguyên phi Ý Lan (1044 – 1117) (Hà Nội)

Năm 1075, quân Tống âm mưu xâm lược Đại Việt. Vua quan Triều Lý đã chủ động tổ chức cuộc kháng chiến đánh bại giặc xâm lược, giữ vững nền độc lập của đất nước.



Lý Thường Kiệt và cuộc kháng chiến chống Tống

Lý Thường Kiệt (1019 – 1105) sinh tại thành Thăng Long, từ thuở nhỏ đã ham thích võ nghệ và thường đọc binh pháp. Khi quân Tống âm mưu xâm lược nước ta, vua Lý giao cho Lý Thường Kiệt chủ động tổ chức chống giặc. Ông đề xuất chủ trương “Ngồi yên đợi giặc, không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc”. Ông đã đem quân vào đất Tống, phá huỷ nhiều thành trì, kho tích trữ lương thực, vũ khí, làm thất bại âm mưu xâm lược của giặc.

Đoán biết quân Tống sẽ kéo sang xâm lược nước ta, Lý Thường Kiệt chủ động xây dựng phòng tuyến Như Nguyệt, ngăn không cho chúng tiến vào Thăng Long. Đồng thời, ông còn tổ chức tập kích làm cho quân Tống thua trận, phải rút về nước.

(Theo Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015)



Hình 5. Bia Linh Xứng ghi công lao của Lý Thường Kiệt (Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Hà Nội)

Chân trời sáng tạo



Luyện tập

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.



Vận dụng

Hoàn thành thẻ ghi nhớ về một nhân vật lịch sử Triều Lý theo gợi ý: tên nhân vật, đóng góp chính,...



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyễn.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Trần thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toàn, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An,...).
- Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).



Khởi động

Kể tên một số nhân vật lịch sử tiêu biểu dưới Triều Trần mà em biết.



Khám phá

Chân trời sáng tạo

1. Triều Trần và công cuộc xây dựng đất nước

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy:

- Trình bày một số nét chính về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Trần.
- Kể lại câu chuyện về một nhân vật Triều Trần mà em có ấn tượng.

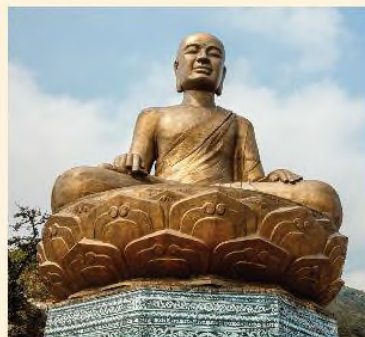
Năm 1226, Triều Trần được thành lập. Dưới triều đại này, các vua từng bước tiến hành công cuộc xây dựng đất nước, củng cố bộ máy chính quyền. Sau một thời gian trị vì, các vua Triều Trần đều nhường ngôi cho con và trở thành Thái Thượng hoàng, để cùng chăm lo việc nước.



Phật hoàng Trần Nhân Tông

Trần Nhân Tông là vị vua thứ ba của Triều Trần. Ông đã lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai và thứ ba. Sau khi nhường ngôi cho con, ông trở thành Thái Thượng hoàng, đồng thời còn hướng dẫn vua Trần Anh Tông trị nước. Ông trở thành người sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, dòng Phật giáo chính thống của dân tộc ta.

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh, Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)



Hình 1. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258 – 1308) (khu di tích Yên Tử, Quảng Ninh)



Hình 2. Tranh vẽ đắp đê Triều Trần

Triều Trần có nhiều chính sách để phát triển kinh tế như cho đắp đê, khuyến khích sản xuất.

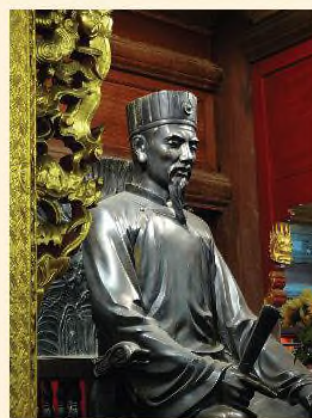
Văn hoá, giáo dục cũng được Triều Trần quan tâm và có bước phát triển mới. Thi cử đặt lệ lấy đồ Tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa), tuyển được nhiều người tài ra giúp vua cai trị nước.



Chân trời sáng tạo Thầy giáo lỗi lạc Chu Văn An

Thầy giáo Chu Văn An người huyện Thanh Đàm (Thanh Trì, Hà Nội ngày nay), tính tình cương nghị, giữ mình trong sạch, không cầu lợi lộc. Là người có học vấn tinh thông, nổi tiếng cả nước, học trò nhiều nên ông được vua Trần mời về giữ chức Tư nghiệp (tương đương Hiệu trưởng ngày nay) ở Quốc Tử Giám và dạy học cho thái tử. Đời Trần Dụ Tông, vua không quan tâm việc nước, chỉ ham vui chơi, các quan lạm quyền. Ông viết "Thất trăm sớ" dâng lên vua xin chém 7 tên nịnh thần. Sau đó, ông treo mũ áo từ quan, về quê dạy học. Nhiều học trò giỏi của ông như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát,... đều được trọng dụng, làm quan lớn trong triều.

(Theo Nguyễn Khắc Thuần, Việt sử giai thoại, tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)



Hình 3. Tượng Chu Văn An (1292 – 1370) đặt tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

2. Cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

- Kể tên những chiến thắng và nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.
- Kể lại chiến thắng của quân đội Triều Trần trên sông Bạch Đằng. Qua đó, cho biết Trần Quốc Tuấn đã sử dụng kế sách nào đánh bại quân Nguyên.

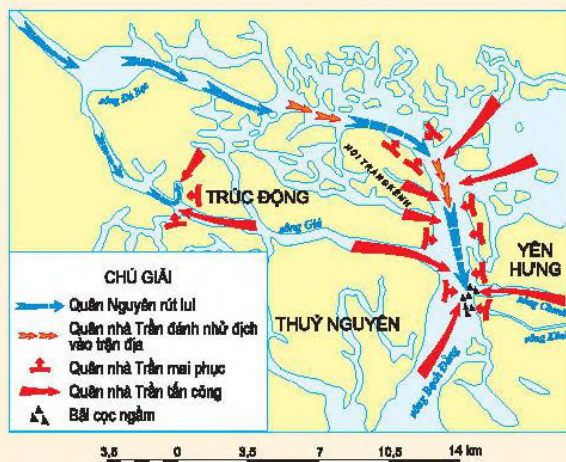
Vua tôi Triều Trần đã ba lần đánh tan quân xâm lược Mông – Nguyên trong các năm 1258, 1285, 1287 – 1288 giữ vững nền độc lập của dân tộc. Nhiều câu chuyện lịch sử tiêu biểu gắn với các cuộc kháng chiến này đã được sử sách ghi lại.



Trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288

Đầu năm 1288, thuyền chở lương thực của quân Nguyên bị quân ta đánh chìm. Giặc lâm vào tình thế khó khăn buộc phải rút về nước. Để chặn đánh chúng, Trần Quốc Tuấn đã lợi dụng thủy triều lên xuống trên sông Bạch Đằng, cho quân bố trí trận địa bãi cọc để mai phục tiêu diệt giặc. Đầu tháng 4 – 1288, khi đoàn thuyền của Ô Mã Nhi đang rút về phía cửa sông Bạch Đằng, quân Trần cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy. Quân Nguyên đuổi theo, rơi vào trận địa mai phục. Cùng lúc đó, nước thủy triều rút xuống nhanh, đoàn thuyền của giặc bị cọc gỗ đâm thủng và vỡ đắm rất nhiều. Quân Trần từ bốn phía đổ ra, phản công quyết liệt, Ô Mã Nhi bị bắt sống, toàn bộ thủy binh giặc bị diệt.

(Theo Hà Văn Tấn – Phạm Thị Tâm, Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2019)



Hình 4. Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng năm 1288



Em có biết?

Võ tướng Phạm Ngũ Lão

Phạm Ngũ Lão (1255 – 1320) xuất thân từ gia đình nông dân. Khi đất nước đang đứng trước họa xâm lăng, vì mãi mê ngồi suy nghĩ cách đánh giặc, không biết có đoàn quân của Hưng Đạo Vương (Trần Quốc Tuấn) đi ngang, lính dẫn đường đâm giáo vào chân chảy máu mà ông không hay biết. Sau khi hồi hồn, biết được tài năng và tấm lòng yêu nước của ông, Hưng Đạo Vương đã trọng dụng và giao trọng trách quan trọng trong hai lần kháng chiến chống quân Nguyên.



Lá cờ thêu sáu chữ vàng

Khi giặc Nguyên chuẩn bị xâm lược, vua Trần tổ chức Hội nghị Bình Than (Hải Dương ngày nay) bàn cách chống giặc. Vì còn nhỏ tuổi, Trần Quốc Toản không được tham dự. Với lòng căm thù giặc, nhận quả cam vua ban thưởng trong tay, Trần Quốc Toản bóp nát lúc nào chẳng biết. Trở lại thái ấp của mình, Quốc Toản tập hợp hơn nghìn gia nô, sắm sửa vũ khí, tập luyện binh mã và viết lên lá cờ sáu chữ: “Phá cường địch, báo hoàng ân” (phá giặc mạnh, báo ơn vua) rồi xông pha đi giết giặc.

(Theo Quốc sử quán Triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007)



Hình 5. Phù điêu Trần Quốc Toản (1267 – 1285) (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam – Thành phố Hồ Chí Minh)



Luyện tập

1. Vẽ đường thời gian về những trận đánh lớn của Triều Trần trong kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.
2. Kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử dưới Triều Trần.



Vận dụng

Nêu những điều em đã học được từ một nhân vật lịch sử dưới Triều Trần.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích,...).
- Kể lại được chiến thắng Chi Lăng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về ải Chi Lăng, về Liễu Thăng,...).
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên,...).



Khởi động

Em hãy cho biết *Sự tích Hồ Gươm* nói về vị vua nào của dân tộc Việt Nam.



Khám phá

Chân trời sáng tạo

1. Một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy:

- Trình bày tóm tắt cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Kể lại chiến thắng Chi Lăng của nghĩa quân Lam Sơn.

Từ năm 1418 đến năm 1427, Lê Lợi lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nhằm đánh đuổi quân Minh xâm lược. Nhiều người tài giỏi như Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích, Lê Lai,... đều tham gia nghĩa quân.

Trong suốt 10 năm chiến đấu, Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn giành chiến thắng nhiều trận như: Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng – Xương Giang,... Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, ách thống trị tàn bạo của nhà Minh bị lật đổ, mở ra thời kì độc lập của quốc gia Đại Việt.



Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa

Dưới ách đô hộ của nhà Minh, đời sống nhân dân vô cùng khổ cực. Đầu năm 1416, Lê Lợi đã tổ chức Hội thề Lũng Nhai (Thanh Hoá), cùng với một số chí sĩ kết nghĩa anh em, quyết tâm đánh giặc giành độc lập. Ông nói: "Ta cất quân đánh giặc, không phải là có lòng ham muốn phú quý, mà chính vì muốn để nghìn năm về sau, người đời biết ta không chịu làm tôi tớ cho bọn giặc tàn ngược". Anh hùng hào kiệt từ bốn phương kéo về, Lam Sơn trở thành nơi tụ nghĩa.

(Theo Ngô Sĩ Liên và các sử thần Triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998)



Hình 1. Tượng Lê Lợi
(1385 – 1433)
(Thanh Hoá)



Lê Lai cứu chúa

Lê Lai (người Thanh Hoá) là vị tướng luôn ở bên cạnh Lê Lợi, xông pha nhiều trận hiểm nguy. Vào cuối tháng 4 – 1418, nghĩa quân Lam Sơn đang gặp nhiều khó khăn, quân Minh bao vây bốn mặt, Lê Lai đã tự nguyện cải trang làm Lê Lợi, dẫn 500 quân ra phá vòng vây, đánh lừa quân địch để mở đường cho Lê Lợi rút lui. Quân Minh đã giết hại Lê Lai. Sau khi khởi nghĩa thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi vua, ông đã căn dặn con cháu rằng: "Ta có được ngày nay là nhờ Lê Lai, do đó, từ nay về sau phải làm giỗ Lê Lai trước". Ngày 22 – 8, Lê Lợi mất, các vua nối ngôi theo lời dặn của ông đã cúng Lê Lai vào ngày 21 – 8, dân gian có câu: "Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi".

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)



Em có biết?

Nguyễn Trãi – vị quân sư lỗi lạc

Nguyễn Trãi quê ở Thường Tín, Hà Nội. Khi giặc Minh xâm lược nước ta, ông đã dâng "Bình Ngô sách" tới Lê Lợi. Đây là tác phẩm tập hợp những kế sách lớn nhằm diệt giặc cứu nước mà Nguyễn Trãi đã nghiên cứu nhiều năm, góp phần giúp khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi.



Hình 2. Tranh vẽ chân dung
Nguyễn Trãi (1380 – 1442)

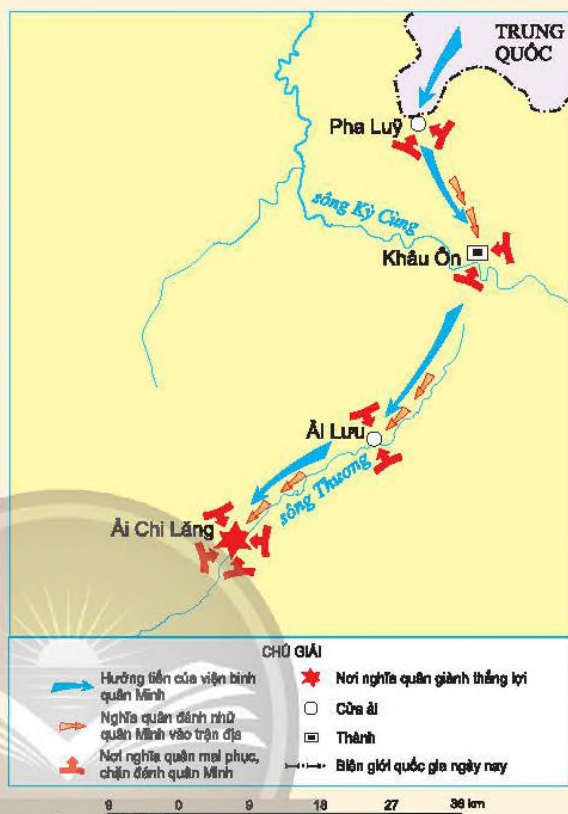
Một trong những trận đánh tiêu biểu, lẫy lừng mang tính quyết định của khởi nghĩa Lam Sơn là chiến thắng Chi Lăng.



Trận chiến Chi Lăng – Liễu Thăng tử trận

Năm 1427, quân của Liễu Thăng đi đường từ Quảng Tây (Trung Quốc) tiến vào nước ta. Quân ta mai phục và giả thua ở cửa ải Pha Luỹ kết hợp đánh nhử địch về Khâu Ôn rồi Ải Lưu, dụ quân của Liễu Thăng vào ải Chi Lăng. Mấy lần đánh đều thắng, Liễu Thăng tự đắc nên dẫn quân tiến vào ải Chi Lăng, rơi vào trận địa mai phục lớn của ta. Từ hai bên vách núi, quân ta bắn tên, phóng lao xuống, Liễu Thăng tử trận, quân Minh thua trận tan tác.

(Theo Lý Thái Thuận – Võ Thanh Hùng,
Theo dòng lịch sử Việt Nam, tập 18,
NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017)



Hình 3. Lược đồ trận Chi Lăng

2. Những nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Hậu Lê

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy trình bày những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Hậu Lê.

Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, lập ra Triều Hậu Lê. Vua nắm quyền tuyệt đối, trực tiếp chỉ huy quân đội.

Các vua Triều Hậu Lê rất chú trọng những chính sách nhằm phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân. Văn hoá, giáo dục đạt nhiều thành tựu đáng kể: dựng lại Quốc Tử Giám; mở thêm trường và khoa thi; xuất hiện nhiều tác phẩm nổi bật như *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần Triều Hậu Lê), *Đại thành toán pháp* (Lương Thế Vinh),...



Qua Lê Thánh Tông và chính sách khuyến khích nông nghiệp

Lê Thánh Tông là vị vua thứ tư của Triều Hậu Lê. Trong những năm trị vì, ông đặc biệt quan tâm đến phát triển nông nghiệp. Ông lập ra các chức quan như Hà đê sứ, Khuyến nông sứ,... để coi sóc đê điều và cây cấy. Ông còn cho đắp đê Hồng Đức để ngăn nước mặn giúp dân khẩn hoang, lấn biển.

(Đoàn Thị Minh Châu, *Lê Thánh Tông vị vua anh minh, tài ba trong lịch sử*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017)



Hình 4. Tượng vua Lê Thánh Tông (1442 – 1497) đặt tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)



Trạng Lường Lương Thế Vinh

Lương Thế Vinh quê ở Nam Định. Ông rất giỏi tính toán, đo lường nên nhân dân kính trọng gọi ông là Trạng Lường. Chuyện kể rằng, có một lần, sứ thần của vua Minh sang nước ta và muốn thử tài, nhờ Trạng cân xem voi nặng bao nhiêu. Trạng mỉm cười và cho lính dắt voi xuống thuyền, đợi khi voi đã đứng yên thì sai người đánh dấu mép nước bên mạn thuyền, rồi dắt voi lên bờ. Sau đó, ông ra lệnh cho quân lính đổ đá vào thuyền, cho đến khi thuyền chìm xuống ngang mức nước đã đánh dấu thì thôi. Ông cho cân số đá, tính ra trọng lượng của voi. Sứ thần nhà Minh phải thốt lên: “Nước tôi chưa chắc có người hơn được tài quan Trạng. Xin bái phục! Xin bái phục!”.

(Theo Quốc Chấn, *Thần đồng nước Nam Lương Thế Vinh*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2019)



Hình 5. Tranh vẽ chân dung Lương Thế Vinh (1442 – chưa rõ năm mất)



Luyện tập

1. Nêu một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn.
2. Làm thẻ ghi nhớ về một nhân vật lịch sử dưới Triều Hậu Lê theo gợi ý: tên nhân vật, đóng góp chính.



Vận dụng

Sưu tầm và giới thiệu về một nhân vật lịch sử dưới Triều Hậu Lê, sau đó chia sẻ những điều em học được từ nhân vật.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Nguyễn.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Gia Long, vua Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Hàm Nghi, Phan Đình Phùng,...).



Khởi động

Cố đô Huế đã từng là kinh đô của triều đại nào? Hãy nêu những hiểu biết của em về triều đại này.



Khám phá

1. Sự thành lập Triều Nguyễn và công cuộc xây dựng đất nước

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy:

- Trình bày sự thành lập Triều Nguyễn.
- Nêu một số nét chính về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Nguyễn.



Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Gia Long, lập ra Triều Nguyễn, định đô ở Phú Xuân (Thừa Thiên Huế). Triều Nguyễn quản lý một quốc gia thống nhất từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Hình 1. Tranh vẽ chân dung vua Gia Long (1762 – 1820)

Triều Nguyễn từng bước hoàn thiện bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, ban hành *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, chủ trương đẩy mạnh chính sách khai hoang, mở rộng diện tích, thành lập nhiều làng xóm; phát huy các giá trị truyền thống, văn hoá và giáo dục đạt nhiều thành tựu; tiếp tục thực thi chủ quyền đối với các vùng biển, đảo của đất nước,...



Em có biết?

Nguyễn Công Trứ quê ở Hà Tĩnh, giữ chức quan Doanh điền sứ trong Triều Nguyễn. Ông đã có công lớn trong việc tổ chức cho nhân dân khai hoang đất đai, lập ra huyện Tiền Hải (Thái Bình) và huyện Kim Sơn (Ninh Bình). Nhiều người dân nghèo có đất định cư, góp phần ổn định xã hội, phát triển kinh tế.



Hình 2. Tranh vẽ chân dung Nguyễn Công Trứ (1778 – 1858)

Cuối thế kỉ XIX, nhà Nguyễn rơi vào khủng hoảng, suy yếu, nhiều quan lại, sĩ phu yêu nước đã gửi đề nghị cải cách nhằm canh tân đất nước.



Nguyễn Trường Tộ đề nghị canh tân đất nước

Nguyễn Trường Tộ người làng Bùi Chu (Nghệ An) nổi tiếng thông minh lại chăm chỉ nên được gọi là “Trạng Tộ”. Ông thông thạo tiếng Hán và từng sang phương Tây học tập. Khi trở về nước, trước bối cảnh Triều Nguyễn khủng hoảng, đời sống nhân dân khó khăn, ông đã gửi nhiều bản “điều trần” để nghị canh tân đất nước với nội dung: mở rộng quan hệ ngoại giao, cử người đi học tập kĩ thuật phương Tây, mở trường dạy đóng tàu, đúc súng,... với mong muốn làm cho đất nước giàu mạnh. Vua Tự Đức đã khước từ đề nghị của ông.

(Theo Nguyễn Thị Tâm, *Nguyễn Trường Tộ người mong muốn đổi mới đất nước*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017)



Hình 3. Tượng Nguyễn Trường Tộ (1830 – 1871) (Nghệ An)

2. Phong trào Cần vương chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy tóm tắt những nét chính về phong trào Cần vương chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX.

Sau khi Triều Nguyễn đầu hàng thực dân Pháp, nhân dân và một bộ phận quan lại không chịu khuất phục. Cuộc phản công của Tôn Thất Thuyết tại kinh thành Huế bị thất bại. Vua Hàm Nghi đã ban chiếu *Cần vương* cùng Tôn Thất Thuyết lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu như Ba Đình (Phạm Bành và Đinh Công Tráng), Bãi Sậy (Nguyễn Thiện Thuật), Hương Khê (Phan Đình Phùng),...



Vị vua nhỏ tuổi yêu nước, chống Pháp

Hàm Nghi lên ngôi vua năm 1884, trong tình cảnh đất nước đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Khi cuộc tấn công quân Pháp ở kinh thành Huế bị thất bại, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi lên căn cứ Tân Sở (Quảng Trị). Tại đây, vua ban chiếu Cần vương, trong chiếu có đoạn viết: "...kẻ trí hiền mưu, người dũng hiến sức, giàu có bỏ của ra giúp quân nhu, đồng bào đồng trạch chẳng từ gian hiểm, như thế là phải".

Năm 1888, trước sự truy lùng gắt gao, vua Hàm Nghi bị bắt. Thực dân Pháp đày ông sang An-giê-ri (Algeria). Dù ở rất xa đất nước, ông vẫn luôn hướng về quê hương cho đến hơi thở cuối cùng.

(Theo Trần Văn Giàu, Chống xâm lăng, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001)



Hình 4. Tranh vẽ chân dung vua Hàm Nghi (1871 – 1944) lúc bị đày ở An-giê-ri



Em có biết?

Phan Đình Phùng quê ở Hà Tĩnh, làm quan dưới Triều Nguyễn. Ông lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896). Đây là cuộc khởi nghĩa lớn và tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương. Nghĩa quân đã chế tạo được súng kiểu Tây và chiến đấu trên địa bàn rộng khắp 4 tỉnh là Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình và Quảng Trị gây cho Pháp nhiều thiệt hại nặng nề.



Hình 5. Tượng Phan Đình Phùng (1847 – 1895) (Hà Tĩnh)



Luyện tập

- Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn theo gợi ý: sự thành lập, công cuộc xây dựng đất nước, đấu tranh chống Pháp.
- Chọn và kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử trong bài mà em có ấn tượng. Nêu lí do em chọn nhân vật ấy.



Vận dụng

Sưu tầm một số tranh ảnh, tư liệu liên quan đến Triều Nguyễn, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm một số tư liệu (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,... trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi viết và đọc Tuyên ngôn Độc lập; chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.



Khởi động

Hãy cho biết lời bài hát dưới đây nhắc đến sự kiện lịch sử nào ở Việt Nam. Em biết gì về sự kiện đó?

"...Mười chín tháng Tám, ánh sao tự do đưa tới.

Cờ bay nơi nơi, muôn ánh sao vàng...

Mười chín tháng Tám, chớ quên là ngày khởi nghĩa.

Hạnh phúc sáng tỏ, non sông Việt Nam".

(Xuân Oanh, Mười chín tháng Tám, 1945)



Khám phá

1. Cách mạng tháng Tám thành công

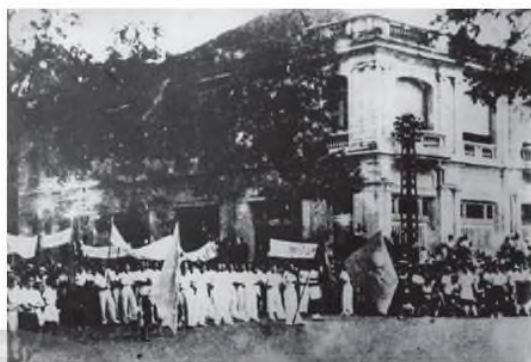
Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy cho biết thắng lợi ở một số địa phương lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra như thế nào.

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng ta phát động lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Khởi nghĩa đã giành thắng lợi nhanh chóng trong 15 ngày. Tiêu biểu là Hà Nội ngày 19 – 8, Huế ngày 23 – 8 và Sài Gòn ngày 25 – 8.

Ngày 19 – 8 – 1945, nhân dân Hà Nội và các tỉnh lân cận mít tinh rộng khắp, thể hiện khí thế hào hùng. Đến trưa, đại diện Ủy ban khởi nghĩa đọc lời kêu gọi nhân dân đứng lên giành chính quyền. Quần chúng tiến hành biểu tình, có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, chiếm các cơ quan đầu não của địch. Tối cùng ngày, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân cả nước cùng đấu tranh giành độc lập.



Hình 1. Cuộc mít tinh tại Hà Nội
ngày 19 – 8 – 1945



Hình 2. Cuộc mít tinh tại Sài Gòn
ngày 25 – 8 – 1945



Em có biết?

Chiều ngày 30 – 8 – 1945, vua Bảo Đại trao ấn kiếm cho đại diện của Chính phủ cách mạng, tuyên bố làm “làm dân một nước độc lập hơn làm vua một nước nô lệ”.

2. Một số câu chuyện lịch sử

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, 7, hãy kể lại một câu chuyện lịch sử mà em có ấn tượng. Lí giải sự lựa chọn của em.

Để dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, đã có sự đóng góp, hi sinh của biết bao chiến sĩ anh hùng. Câu chuyện về cuộc đời hoạt động cách mạng của các nhân vật lịch sử tiêu biểu như: Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh), Võ Nguyên Giáp, Kim Đồng,... luôn sống mãi trong lòng mỗi người dân Việt Nam.



“Ông Ké” trong lòng người dân Pác Bó

Sau khi về nước năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn xây dựng căn cứ tại Pác Bó (Cao Bằng). Tại đây, Người vừa lãnh đạo cách mạng Việt Nam, vừa dạy chữ cho người dân, quan tâm từng người già, trẻ nhỏ. Hình ảnh một cụ già ân cần bên trẻ nhỏ đã in sâu vào trong lòng người dân nơi đây. Họ thường trìu mến gọi Người là “ông Ké” (tiếng địa phương có nghĩa là ông già đáng kính).

(Theo Ma Trường Nguyên, Ông Ké thượng cấp, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2016)



Hình 3. Tranh vẽ Bác Hồ (1890 – 1969) làm việc tại Pác Bó



Hồ Chí Minh và Căn cứ địa cách mạng Tân Trào

Tháng 5 – 1945, Bác Hồ rời Pác Bó về Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang). Vùng đất này hội đủ các yếu tố để xây dựng và phát triển thành căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa. Tại đây, trong một căn lán nhỏ đơn sơ ở khu rừng Nà Nưa, Người và Trung ương Đảng đã đưa ra những chính sách kịp thời, táo bạo, góp phần nhanh chóng đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

(Theo Ban Tuyên giáo Trung ương, 117 câu chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007)



Hình 4. Lán Nà Nưa – nơi làm việc của Hồ Chí Minh tại Tân Trào (Tuyên Quang)



Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc “Tuyên ngôn Độc lập”

Ngày 25 – 8 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Tân Trào về đến Hà Nội. Tại số nhà 48 Hàng Ngang, Người đã soạn thảo “Tuyên ngôn độc lập”. Ngày 2 – 9 – 1945, trong không khí phấn khởi vui tươi, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt quốc dân đồng bào với chiếc mũ đã ngả vàng vì mưa gió, bộ quần áo ka-ki và đôi dép cao su giản dị. Khi đọc xong một đoạn Tuyên ngôn, Người dừng lại và hỏi: “Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?”. Hàng triệu người cùng đồng thanh hô lớn: “Có”. Câu nói ấm áp và gần gũi của Người thể hiện tình yêu thương của một vị cha già dân tộc.

(Theo Trần Dân Tiên, Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Nghệ An, 2005)



Hình 5. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội)



Em có biết?

Võ Nguyên Giáp và đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

Võ Nguyên Giáp quê ở Quảng Bình. Ông là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 22 – 12 – 1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam ngày nay). Võ Nguyên Giáp là người trực tiếp chỉ huy đội quân này. Đội đã lập nhiều chiến công oanh liệt. Năm 37 tuổi, Võ Nguyên Giáp trở thành vị Đại tướng đầu tiên của quân đội ta.



Hình 6. Chân dung Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1911 – 2013)



Kim Đồng – Người anh hùng trẻ tuổi

Kim Đồng (1929 – 1943) tên thật là Nông Văn Dền, quê ở tỉnh Cao Bằng. Anh tham gia cách mạng từ sớm, làm nhiệm vụ giao liên, chuyển thư và đưa đón cán bộ cách mạng. Trong một lần làm nhiệm vụ, phát hiện quân Pháp tới nơi cán bộ đang họp, anh đã đánh lạc hướng chúng để cán bộ rút về căn cứ an toàn. Bị giặc truy đuổi, anh trúng đạn và hi sinh khi chỉ mới 14 tuổi. Anh chính là người Đội trưởng đầu tiên của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.



Hình 7. Khu di tích lịch sử Kim Đồng (Cao Bằng)

(Theo Đức Lâm, *Đời dũng cảm của Kim Đồng*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019)



Luyện tập

- Hoàn thành bảng thông tin về các sự kiện chính trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn theo mẫu dưới đây vào vở:

Thời gian	Sự kiện
19 – 8 – 1945	?
23 – 8 – 1945	?
25 – 8 – 1945	?

- Trong số các câu chuyện về Chủ tịch Hồ Chí Minh, em yêu thích nhất câu chuyện nào? Vì sao?



Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh, bài thơ, bài hát về Cách mạng tháng Tám, sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể lại được diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh và các câu chuyện về kéo pháo ở Điện Biên Phủ, chuyện bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri (De Castries),...).
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (ví dụ: Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn,...).



Khởi động

Hình 1 gợi cho em điều gì về chiến dịch Điện Biên Phủ?



Hình 1. Đoàn xe đạp thồ vận chuyển lương thực và đạn dược phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ



Khám phá

1. Chiến dịch Điện Biên Phủ

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, em hãy trình bày diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Tháng 12 – 1953, Trung ương Đảng quyết định tấn công vào Điện Biên Phủ – cứ điểm mạnh nhất của Pháp được xây dựng tại vùng rừng núi Tây Bắc Việt Nam.



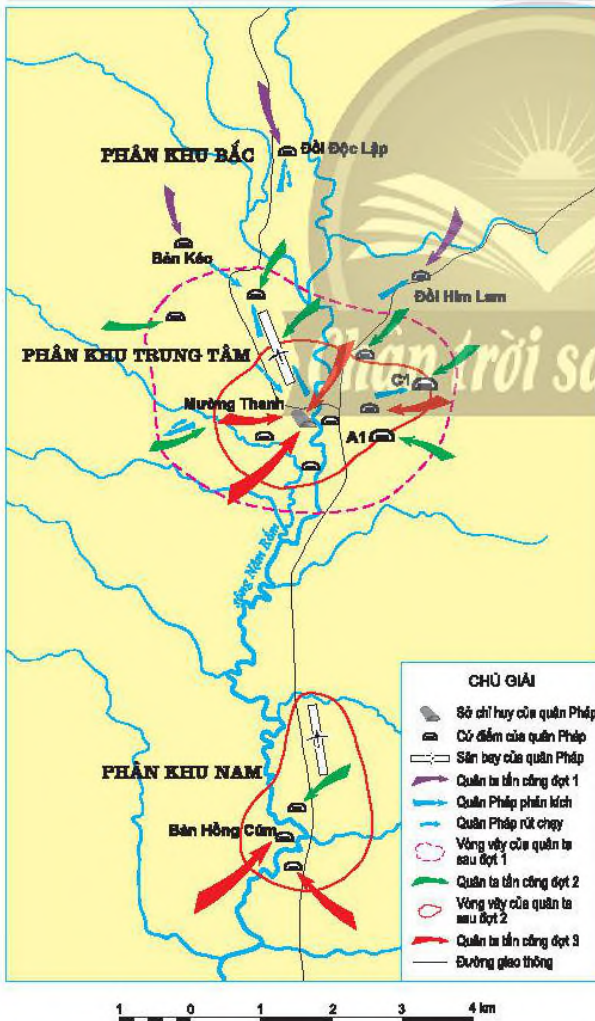
Kéo pháo ở Điện Biên Phủ

Để chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ, quân và dân ta đã kéo những khẩu pháo nặng hàng tấn bằng đèo cao, vượt suối sâu trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt dưới trời mưa gió rét. Khi pháo vừa vào đến trận địa, nhận thấy chưa thể bắt đầu chiến dịch quân ta được lệnh kéo pháo ra. Kéo pháo vào đã vô cùng gian khổ nhưng kéo pháo ra lại càng gian khổ hơn. Quân Pháp phát hiện các hoạt động của bộ đội ta và đã liên tục cho máy bay ném bom, pháo kích gây ra nhiều tổn thất. Với những nỗ lực và quyết tâm to lớn, nhiệm vụ kéo pháo đã hoàn thành, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

(Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018)



Hình 2. Bộ đội ta kéo pháo chuẩn bị cho đợt tấn công trong chiến dịch Điện Biên Phủ



Hình 3. Lược đồ chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra 3 đợt: đợt 1 từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3; đợt 2 từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4; đợt 3 từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5.

Vào 17 giờ 30 phút, ngày 7 – 5 – 1954, quân ta đánh vào hầm chỉ huy của quân Pháp, bắt sống tướng Đờ Ca-xơ-ri – Chỉ huy trưởng của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Toàn bộ Ban tham mưu của quân Pháp đầu hàng. Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.



Em có biết?

Trong một lần vận chuyển pháo vào đêm tối, đường dốc, dây kéo pháo bị đứt, pháo lao nhanh xuống dốc. Trước tình hình đó, anh Tô Vĩnh Diện đã lấy thân mình lao vào chèn bánh pháo. Nhờ vậy, pháo không rơi xuống vực nhưng anh đã hi sinh.



Bắt sống tướng Đờ Ca-xơ-ri

Chiều ngày 7 – 5 – 1954, quân ta dưới sự chỉ huy của Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật và các đồng chí Đào Văn Hiếu, Chu Bá Thệ, Hoàng Đăng Vinh, Bùi Văn Nhỏ tiến vào hầm chỉ huy Pháp. Lúc này, các sĩ quan Pháp tỏ ra rất mệt mỏi và lo âu. Riêng tướng Đờ Ca-xơ-ri vẫn đội mũ ca lô và ngồi cúi mặt xuống bàn. Sau đó, ông cầm máy điện thoại ra lệnh cho toàn bộ quân Pháp ở Điện Biên Phủ đầu hàng. Tướng Đờ Ca-xơ-ri cùng các sĩ quan Pháp cũng xin hàng. Bộ đội ta hướng dẫn họ đi theo hàng lối, dẫn đến trại tù binh.

(Theo Nguyễn Gia Phú – Bùi Tuyết Hương, *Chuyện lịch sử Việt Nam và thế giới (dành cho học sinh tiểu học)*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006)



Hình 4. Tướng Đờ Ca-xơ-ri cùng các sĩ quan Pháp đầu hàng ngày 7 – 5 – 1954

2. Truyện về tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy:

- Kể lại câu chuyện về một anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Nêu cảm nghĩ về sự dũng cảm và hi sinh của các anh hùng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ gắn liền với sự hi sinh của nhiều tấm gương anh hùng tử quá trình chuẩn bị đến khi chiến dịch thành công như Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót,...

Chân trời sáng tạo



Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng

Cuối năm 1953, trong trận đánh chuẩn bị cho chiến dịch, Bế Văn Đàn và nhiều đồng đội bị thương. Một khẩu trung liên của đơn vị không bắn được vì xạ thủ hi sinh. Tình thế hết sức hiểm nguy, không ngần ngại, Bế Văn Đàn cầm hai khẩu trung liên đặt lên vai mình và hô bắn. Đồng đội còn do dự thì Bế Văn Đàn đã nói: “Kẻ thù trước mặt, đồng chí có thương tôi thì bắn chết chúng nó đi”. Đồng đội nổ súng vào đội hình quân địch, tiêu diệt hàng chục tên. Địch hoảng hốt bỏ chạy. Trong lúc lấy thân mình làm giá súng, anh bị thương nặng hơn và anh dũng hi sinh. Tấm gương dũng cảm của anh đã cổ vũ cán bộ, chiến sĩ trên toàn mặt trận hăng hái thi đua giết giặc lập công, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ.

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sđd)



Hình 5. Chân dung anh hùng Bế Văn Đàn (1931 – 1953)



Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai

Chiều 13 – 3 – 1954, Phan Đình Giót và các đồng đội nổ súng tiêu diệt căn cứ Him Lam. Quân Pháp tập trung hỏa lực chống trả quyết liệt. Mặc dù bị thương nặng, anh vẫn cố gắng chiến đấu, quyết tâm tiêu diệt giặc. Hỏa lực từ lô cốt số 3 của địch bất ngờ bắn liên tục, chặn bước tiến công của quân ta. Lực lượng quân xung kích bị ùn lại, anh cố gắng nhích mình lên gần lô cốt số 3 với ý nghĩ cháy bỏng duy nhất là dập tắt lô cốt này, bảo vệ đồng đội. Anh đã dùng hết sức còn lại để nâng tiểu liên lên bắn mạnh vào lỗ châu mai và hét to: “Quyết hi sinh vì Đảng, vì dân”, lao cả thân mình vào bịt kín lỗ châu mai của địch.

Đồng đội anh tiếp tục tiến lên, tạo nên chiến thắng mở màn cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

(Theo Trần Tích Thành, *Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017)



Hình 6. Chân dung anh hùng Phan Đình Giót (1922 – 1954)



Luyện tập

- Hoàn thành sơ đồ về diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ theo mẫu dưới đây vào vở:



- Hoàn thành thẻ ghi nhớ về các anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ theo gợi ý: tên nhân vật, đóng góp chính,...



Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh, câu chuyện về tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể lại được diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, có sử dụng lược đồ, tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...).
- Kể lại được một số câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.



Khởi động

Vào tháng 4 hằng năm, Việt Nam có ngày lễ lớn nào? Nêu những hiểu biết của em về ngày lễ đó.

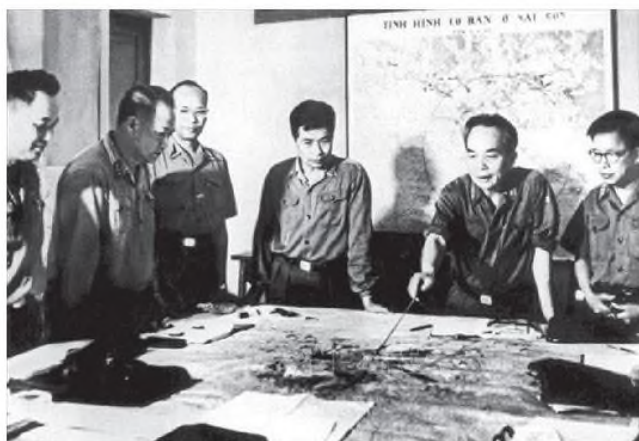


Khám phá

1. Chiến dịch Hồ Chí Minh

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy cho biết Chiến dịch Hồ Chí Minh đã diễn ra như thế nào.

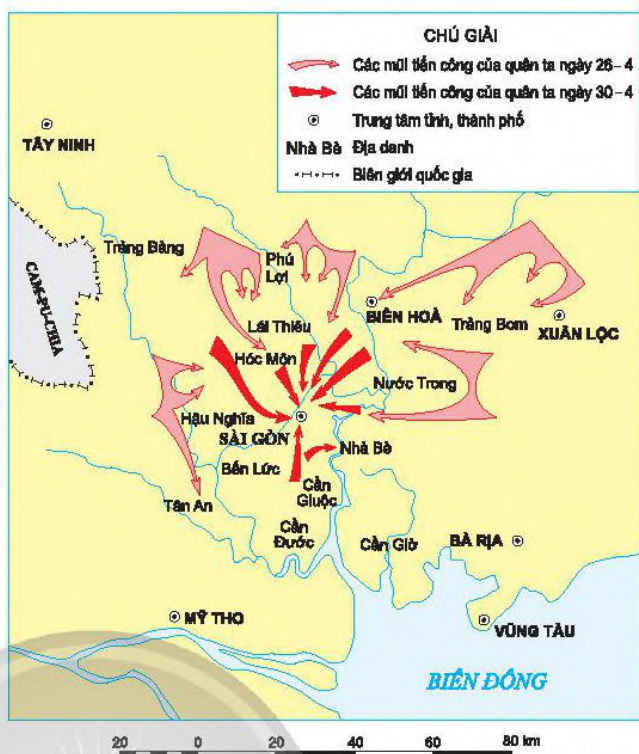
Sau chiến dịch Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định với tên gọi Chiến dịch Hồ Chí Minh.



Hình 1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng các đồng chí trong Quân uỷ Trung ương bàn phương án tác chiến Chiến dịch Hồ Chí Minh

Ngày 26 – 4 – 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh chính thức bắt đầu. Năm cánh quân chủ lực của ta đồng loạt tiến công địch từ bên ngoài vào trung tâm Sài Gòn. Ngày 28 – 4 – 1975, các chiến sĩ không quân của ta đã cho máy bay ném bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất, phá huỷ nhiều máy bay của địch. Vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 30 – 4 – 1975, xe tăng của quân ta tiến vào Dinh Độc Lập. Tổng thống của Việt Nam Cộng hoà (Chính quyền Sài Gòn) tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch.

Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh dấu sự kết thúc của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do, thống nhất đất nước.



Hình 2. Lược đồ Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975



Hình 3. Xe tăng của quân Giải phóng tại Dinh Độc Lập trưa ngày 30 – 4 – 1975

2. Một số câu chuyện lịch sử

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy chọn và kể lại một câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh mà em có ấn tượng.



Tiến vào Dinh Độc Lập

Ngày 30 – 4 – 1975, hai chiếc xe tăng 843 và 390 do Đại đội trưởng Bùi Quang Thận và Trung úy Vũ Đăng Toàn chỉ huy tiến vào Dinh Độc Lập. Xe tăng 843 tiến trước vào cổng phụ nhưng bị kẹt lại. Xe tăng 390 băng lên húc thẳng vào cổng chính, mở đường cho các xe tăng khác đồng loạt tiến vào.

Đại đội trưởng Bùi Quang Thận nhảy ra khỏi xe, cùng một số chiến sĩ tiến thẳng lên ban công của toà nhà, giật bỏ lá cờ của Chính quyền Sài Gòn và kéo lá cờ Giải phóng lên cột cờ cao nhất của Dinh Độc Lập vào lúc 11 giờ 30 phút.

(Theo Trần Hải Phụng – Lưu Phương Thanh, *Lịch sử Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định kháng chiến (1945 – 1975)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994)



Hình 4. Bùi Quang Thận (người cầm cờ) cùng các đồng đội tiến vào cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập



Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng

Sau khi tiến vào Dinh Độc Lập, quân Giải phóng tấn công vào phòng họp tầng 2 – nơi Tổng thống Dương Văn Minh và các quan chức cấp cao của Chính quyền Sài Gòn đang ngồi. Dương Văn Minh đứng dậy nói: “Chúng tôi đang đợi các ông để bàn giao”. Một sĩ quan cách mạng hô to: “Các ông đã bị bắt làm tù binh, các ông phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Các ông không còn gì để bàn giao”. Dương Văn Minh chấp nhận, trao khẩu súng ngắn cho bộ đội ta và được đưa đến đài phát thanh đọc bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện.



Hình 5. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng tại Đài phát thanh Sài Gòn trưa ngày 30 – 4 – 1975

(Theo Trần Hải Phụng – Lưu Phương Thanh, *Lịch sử Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định kháng chiến (1945 – 1975)*, Sđd)



Luyện tập

Vẽ đường thời gian thể hiện diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.



Vận dụng

Sưu tầm một câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, hiện vật,...) và mô tả được một số hiện vật của thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về thời bao cấp ở Việt Nam.
- Nêu được một số thành tựu về kinh tế – xã hội của đất nước Việt Nam trong thời kì Đổi mới, có sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...).



Khởi động

Hình 1 gợi cho em điều gì về thời bao cấp ở Việt Nam?



Hình 1. Xếp hàng mua chất đốt thời bao cấp



Khám phá

1. Thời bao cấp ở Việt Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, em hãy:

- Mô tả một số hiện vật của thời bao cấp.
- Kể lại một câu chuyện về thời bao cấp.

Thời bao cấp ở Việt Nam bắt đầu từ 1976 đến năm 1986. Thời kì này, nhà nước thực hiện phân phối hàng hoá, lương thực, thực phẩm cho cán bộ bằng tem phiếu. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.



Chuyện xếp hàng mua thực phẩm

Một trong những câu chuyện đáng nhớ nhất của những người sống trong thời bao cấp là việc xếp hàng mua thực phẩm tại các cửa hàng mậu dịch. Người mua quá đông nên lúc nào các cửa hàng cũng chật kín người nối đuôi nhau dài dằng dặc như chơi trò rồng rắn. Có nhiều nhà hết gạo hoặc vào ngày giỗ đám, muốn mua sớm phải đến từ 3 – 4 giờ sáng, thậm chí là nửa đêm. Trong lúc đi mua hàng, nếu người mua có việc cần đi ra ngoài, phải xếp gạch để giữ chỗ. Vào một số ngày, khi hàng hoá được bán hết, người mua phải quay về đợi ngày hôm sau ra xếp hàng.

(Theo Đặng Phong, Tư duy kinh tế Việt Nam 1975 – 1989: Nhật kí thời bao cấp, NXB Tri thức, Hà Nội, 2015)



Hình 2. Sổ đăng ký mua lương thực



Hình 3. Mẫu tem phiếu thời bao cấp



Khu tập thể thời bao cấp

Nhiều cán bộ, công nhân viên chức trong thời bao cấp được cấp cho một căn hộ trong khu tập thể. Tại đây, họ chia nhau từng con cua, con cá, ngọn rau tìm được; cùng nhau tụ họp tại một gia đình để xem tivi. Ai về quê có ít quà đều đem chia cho các nhà xung quanh. Ai có việc khó khăn như đau ốm, mất mát đều được hàng xóm láng giềng đến chia sẻ, động viên, giúp đỡ. Vào những ngày lễ, tết họ cùng nhau trang trí lại khu tập thể, quây quần bên những mâm cơm, kể nhau nghe các câu chuyện vui buồn.

(Theo Nhiều tác giả, Chuyện thời bao cấp, NXB Thông tấn, Hà Nội, 2010)



Em có biết?

Quạt con cóc là một trong số ít những vật dụng được sản xuất tại Việt Nam thời bao cấp, được xem một trong các món hàng xa xỉ. Người ta gọi là quạt con cóc vì thân quạt gồm hai mảnh nhựa ốp vào nhau, khiến thân quạt gù trông như con cóc.



Hình 4. Quạt con cóc thời bao cấp

2. Thời kì Đổi mới ở Việt Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, 7, 8, em hãy:

- Mô tả một số hiện vật thời kì Đổi mới.
- Nêu một số thành tựu về kinh tế – xã hội của Việt Nam trong thời kì Đổi mới.

Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam bước vào thời kì Đổi mới, xoá bỏ thời bao cấp.

Nhờ công cuộc đổi mới, kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển. Từ một nước thiếu lương thực, Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Công nghiệp được đẩy mạnh đầu tư, tiến tới hiện đại hoá đất nước. Sự ổn định của kinh tế đã thúc đẩy văn hoá, xã hội có những thay đổi đáng kể, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.



Hình 5. Xuất khẩu gạo ở cảng Hải Phòng năm 1998



Hình 6. Cầu Nhật Tân (Hà Nội)



Hình 7. Khu đô thị Landmark
(Thành phố Hồ Chí Minh)



Em có biết?

Quạt điện sản xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 1990. So với quạt con cóc thời bao cấp, quạt này cao hơn, có lồng bảo vệ cánh quạt và có bộ điều chỉnh tốc độ quạt.



Hình 8. Quạt điện

Chân trời sáng tạo



Luyện tập

Chọn và kể lại một câu chuyện về thời bao cấp mà em ấn tượng.



Vận dụng

Sưu tầm một số tranh ảnh hoặc vật dụng về thời kì Đổi mới ở địa phương em, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

Chủ đề 4: CÁC NƯỚC LĂNG GIỀNG

Bài
17

NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA



Thủ đô: Bắc Kinh
Diện tích: 9,6 triệu km²
Số dân: 1,4 tỉ người
(năm 2021)



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Trung Quốc.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc: Vạn Lý Trường Thành và Cố cung Bắc Kinh,...
- Sưu tầm và kể lại một số câu chuyện về Vạn Lý Trường Thành, kiến trúc sư Nguyễn An và Cố cung Bắc Kinh,...



Khởi động

Chân trời sáng tạo

Quan sát hình 1, hãy chia sẻ những hiểu biết của em về đất nước Trung Quốc.



Hình 1. Phượng Hoàng Cổ Trấn (Hố Nam, Trung Quốc)



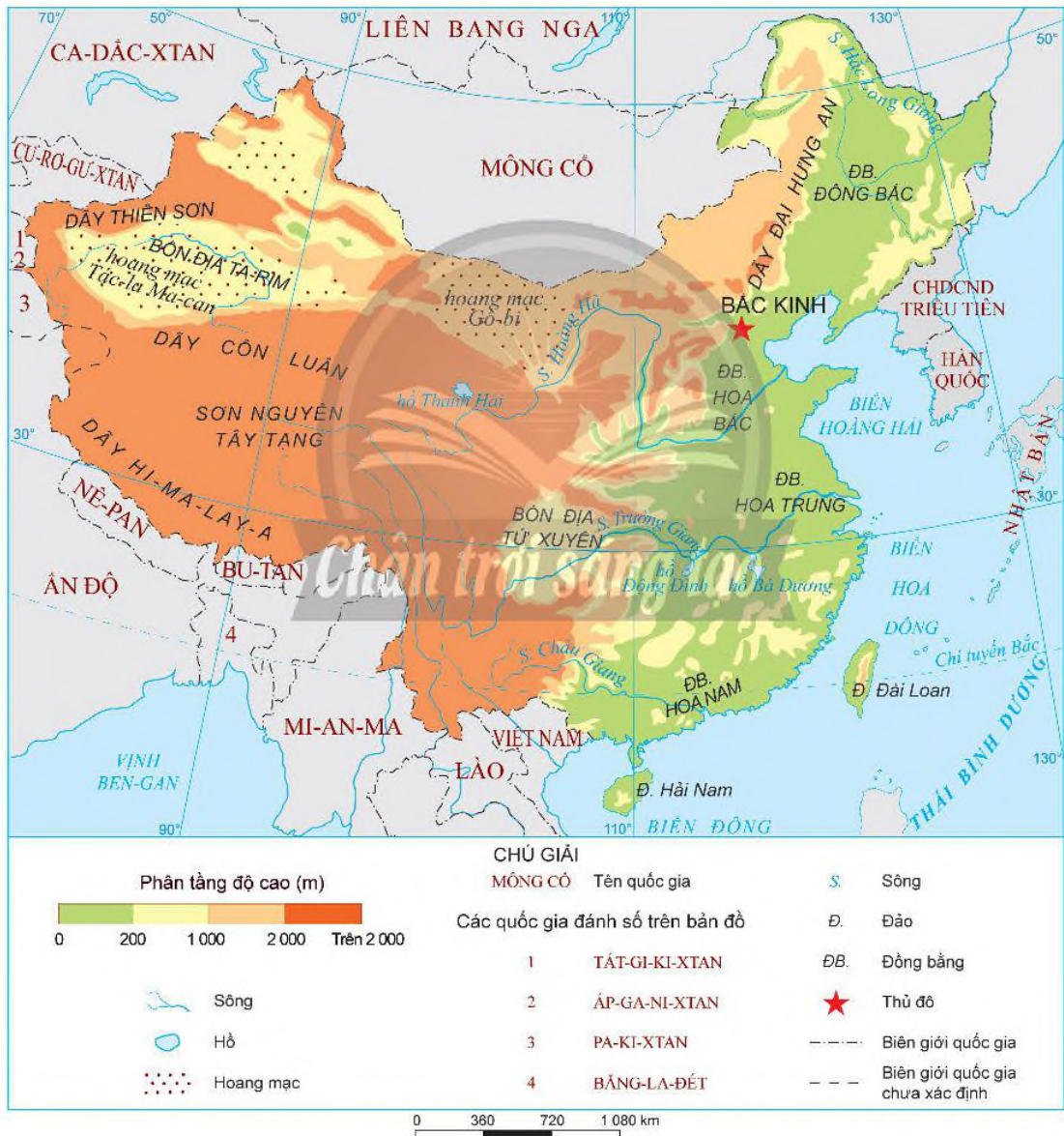
Khám phá

1. Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên

Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Xác định vị trí địa lí của Trung Quốc.
- Nêu tên các quốc gia, biển tiếp giáp với phần đất liền Trung Quốc.



Hình 2. Lược đồ tự nhiên Trung Quốc

Trung Quốc nằm ở phía đông của châu Á. Về phía bắc, tây và nam, Trung Quốc tiếp giáp với nhiều quốc gia như Liên bang Nga, Mông Cổ, Pa-ki-xtan (Pakistan), Ấn Độ, Việt Nam,... Phía đông và đông nam, Trung Quốc tiếp giáp với nhiều biển lớn như biển Hoa Đông, Biển Đông,... và thông ra Thái Bình Dương. Trung Quốc là một trong những nước có diện tích lớn nhất thế giới.

Đặc điểm tự nhiên

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy nêu đặc điểm tự nhiên của Trung Quốc.

Địa hình Trung Quốc đa dạng, cao ở phía tây và thấp dần về phía đông. Tây Tạng là sơn nguyên cao nhất thế giới. Các đồng bằng ở hạ lưu sông rộng lớn và màu mỡ.



Hình 3. Sơn nguyên Tây Tạng

Phần lớn lãnh thổ Trung Quốc có khí hậu ôn đới, với bốn mùa trong năm. Khí hậu khác nhau giữa các khu vực.

Mạng lưới sông, hồ khá phát triển. Hầu hết các sông lớn bắt nguồn từ miền núi phía tây và đổ ra Thái Bình Dương.

Cảnh quan ở Trung Quốc đa dạng, bao gồm rừng nhiệt đới, rừng ôn đới, rừng lá kim, hoang mạc,...

2. Đặc điểm dân cư

Đọc thông tin, em hãy nêu đặc điểm cơ bản của dân cư Trung Quốc.

Trung Quốc là một trong những quốc gia đông dân nhất thế giới, số dân hơn 1,4 tỉ người (năm 2021), tốc độ tăng dân số đang chậm dần. Số người già đang tăng nhanh.

Mật độ dân số Trung Quốc là 146 người/km², phân bố không đều, khu vực miền núi phía tây rộng lớn nhưng dân cư thưa thớt; các đồng bằng và ven biển phía đông có dân cư tập trung đông đúc. Số dân sống ở thành thị đang tăng nhanh, tập trung ở các thành phố lớn như Thượng Hải, Bắc Kinh, Quảng Châu,...

Trung Quốc có 56 dân tộc, trong đó, người Hán chiếm đa số.

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

- Kể tên và mô tả một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc.
- Kể lại một số câu chuyện về các công trình tiêu biểu của Trung Quốc.

Vạn Lý Trường Thành

Vạn Lý Trường Thành có nghĩa là bức tường dài vạn dặm. Đây là công trình phòng ngự nổi tiếng của Trung Quốc được xây dựng từ thời cổ đại. Trường thành dài hàng chục nghìn ki-lô-mét, đến nay còn lại khoảng 6 700 km. Công trình không chỉ là những dãy tường dài kiên cố mà còn có nhiều hào sâu và nhỏ, nhiều đường rộng cho lưu thông, các trạm truyền tin, kho vũ khí,...



Hình 4. Một đoạn Vạn Lý Trường Thành

Nhìn tổng thể, trường thành như một con rồng uốn lượn, chạy xuyên qua nhiều vùng đồi núi, thung lũng, các vực sâu, có đoạn vượt qua sông và lặn ra biển. Ngày nay, Vạn Lý Trường Thành được xem là biểu tượng cho sức lao động bền bỉ và khả năng sáng tạo của người dân Trung Hoa.



Nàng Mạnh Khương khóc đổ trường thành

Chuyện kể rằng, vào thời Tần Thủy Hoàng, có một đôi vợ chồng vừa thành hôn không bao lâu thì người chồng đã bị bắt đi xây dựng Vạn Lý Trường Thành. Người vợ tên là Mạnh Khương, vì nỗi nhớ nhung và lo lắng khi không nhận được tin tức của chồng, nàng đã quyết định lên đường tìm chồng. Trải qua chặng đường dài hiểm nguy và gian khổ, cuối cùng nàng đã đến được trường thành. Tuy nhiên, nàng nghe tin chồng đã mất, thân xác bị vùi dưới chân của bức tường thành. Quá đau buồn, nàng Mạnh Khương đã khóc liên tục ba ngày ba đêm khiến cho trời đất cảm động, làm cho một đoạn trường thành bị sụp đổ, lộ ra bộ hài cốt của chồng nàng. Sau khi chôn cất chồng, nàng đã gieo mình xuống biển.

(Theo Lê Phụng Hoàng – Hà Bích Liên – Trần Hồng Ngọc, Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ – trung đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003)

Cố cung Bắc Kinh

Cố cung Bắc Kinh được xây dựng dưới Triều Minh và Thanh trên một khu đất rộng hơn 700 000 m². Các ngôi nhà có nóc cong lượn thoải thoải, lợp ngói hoàng lưu li. Các bức tường, thân cột và cửa ra vào hầu hết được sơn màu đỏ. Điện Thái Hoà là điện lớn nhất, cao 36 m, có hơn 12 000 con rồng uốn lượn theo các tư thế khác nhau. Cố cung là công trình mang giá trị lịch sử và văn hoá cao của người dân Trung Hoa.



Hình 5. Cố cung Bắc Kinh



Kiến trúc sư Nguyễn An và Cố cung Bắc Kinh

Khi nhà Minh thống trị nước ta, Nguyễn An và nhiều người Việt khác bị bắt về Trung Quốc. Ông là người giản dị, cứng rắn, liêm khiết, giỏi về tính toán, có sở trường về xây dựng. Do đó, ông được vua Minh giao nhiệm vụ xây dựng Cố cung Bắc Kinh. Ông đã tham gia từ thiết kế công trình, tuyển chọn và đào tạo lực lượng xây dựng cho đến việc chỉ đạo thi công và giám sát. Các cơ quan trong bộ Công chỉ theo kế hoạch của ông được vạch ra để thực hiện. Vua ban cho thứ gì ông đều lấy ở kho công, phần dư sau khi sử dụng lại được ông đem nộp vào kho công, không sót một li nào cả. Có thể nói, Nguyễn An chính là tổng công trình sư xây dựng cố cung.

(Theo Lê Quý Đôn, Kiến văn tiểu lục, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977)



Luyện tập

1. Lập sơ đồ thể hiện đặc điểm tự nhiên và dân cư Trung Quốc.
2. Mô tả điểm đặc trưng của Vạn Lý Trường Thành.



Vận dụng

Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Sưu tầm một số câu chuyện về các công trình kiến trúc nổi bật của Trung Quốc.
2. Nếu được đi du lịch Trung Quốc, em sẽ tham quan địa điểm nào? Vì sao?

NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO



Thủ đô: Viêng Chăn
Diện tích: 230,8 nghìn km²
Số dân: 7,5 triệu người
(năm 2021)



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Lào: Cánh đồng Chum, Cổ đô Luông Pha-băng (Luang Prabang), Thạt Luổng,...



Khởi động

Lào là quốc gia có chung đường biên giới dài nhất với Việt Nam. Em hãy nêu những hiểu biết của em về quốc gia này.



Khám phá

1. Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên

Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của Lào.



Hình 1. Lược đồ tự nhiên Lào

Lào thuộc bán đảo Đông Dương, ở khu vực Đông Nam Á. Lào không giáp biển, có chung đường biên giới với Trung Quốc, Mi-an-ma, Thái Lan, Cam-pu-chia, Việt Nam.

Đặc điểm tự nhiên

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy nêu đặc điểm tự nhiên của Lào.

Địa hình Lào chủ yếu là đồi núi, cao về phía đông và phía bắc, thấp dần về phía tây và phía nam. Bô-lô-ven (Bolaven), Xiêng Khoảng là hai cao nguyên lớn ở Lào. Các đồng bằng như Xa-van-na-khét (Savannakhet), Chămpa-sắc (Champasack) phân bố chủ yếu ở phía nam.

Lào có khí hậu nhiệt đới với hai mùa trong năm: mùa khô và mùa mưa. Lượng mưa khá lớn nên rừng phát triển, có nhiều loài động, thực vật quý.

Phần lớn các con sông bắt nguồn từ miền núi phía bắc và phía đông, đổ nước vào sông Mê Công. Sông có nhiều ghềnh thác, giàu phù sa và thủy sản.



Hình 2. Sông Mê Công – đoạn chảy qua tỉnh Luông Pha-băng

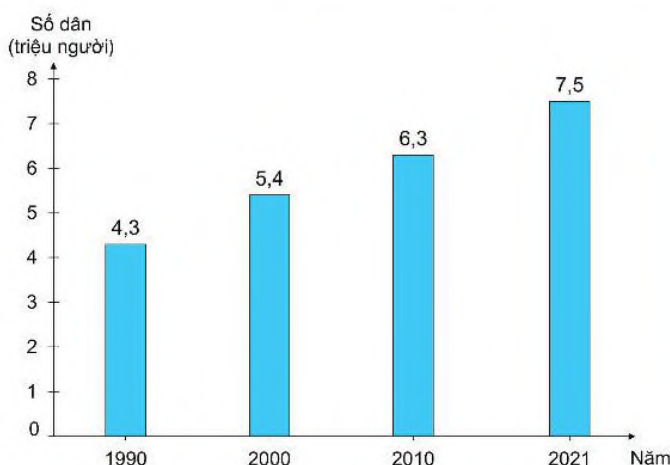
2. Đặc điểm dân cư

Chân trời sáng tạo

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy nêu đặc điểm của dân cư Lào.

Số dân của Lào không lớn, đạt 7,5 triệu người (năm 2021); tốc độ tăng dân số nhanh. Mật độ dân số khoảng 33 người/km². Dân cư phân bố khá thưa thớt và không đều; tập trung chủ yếu ở đồng bằng, thung lũng sông lớn, vùng nông thôn.

Phần lớn dân cư là dân tộc Lào. Các dân tộc khác như Khơ-me, Mông,... chiếm tỉ lệ nhỏ.



Hình 3. Biểu đồ thể hiện số dân của Lào giai đoạn 1990 – 2021

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Lào.

Cánh đồng Chum là khu di tích văn hoá – lịch sử đặc biệt ở Lào. Ở đây có khoảng hơn 2 000 chum lớn, nhỏ được dựng lên từ rất lâu đời, nằm rải rác dọc theo cánh đồng thuộc cao nguyên Xiêng Khoảng. Các chum có kích thước lớn, chiều cao phổ biến là 1,5 m – 2 m, đường kính trung bình 1,5 m. Di tích này cho biết thông tin về đời sống, phong tục của người Lào cổ.



Hình 4. Cánh đồng Chum ở cao nguyên Xiêng Khoảng

Thạt Luồng là công trình tiêu biểu mang đậm giá trị văn hoá của cư dân Lào. Công trình được xây dựng vào năm 1566 với trung tâm là một tháp lớn đặt trên đế của một đài sen hình vuông. Bao quanh công trình là 30 tháp nhỏ, được trang trí bởi 332 hình lá bồ đề cách điệu. Trên các tháp nhỏ có ghi các lời dạy của Đức Phật.



Hình 5. Tháp Thạt Luồng ở Thủ đô Viên Chăn



Em có biết?

Cố đô Luông Pha-băng

Luông Pha-băng – tiếng Lào có nghĩa là “Kinh thành Phật”. Nơi đây từng là kinh đô của Lào từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVI với các tên gọi như: Mường Xoa, Xiềng Đông.

Ở Luông Pha-băng vẫn còn gìn giữ được hàng chục ngôi chùa cổ với nét kiến trúc độc đáo. Ngoài ra, nơi đây còn có Bảo tàng Cung điện Hoàng gia Lào để gìn giữ, bảo quản nhiều cổ vật quý hiếm và nếp sinh hoạt của Hoàng gia Lào.



Hình 6. Bảo tàng Cung điện Hoàng gia Lào ở Luông Pha-băng

Chân trời sáng tạo



Luyện tập

1. Lập sơ đồ thể hiện đặc điểm tự nhiên và dân cư Lào.
2. Vì sao nhiều sông của Lào bắt nguồn từ phía bắc và phía đông?



Vận dụng

Sưu tầm và chia sẻ với bạn về một công trình tiêu biểu của Lào.



Thủ đô: Phnôm Pênh
Diện tích: 176,5 nghìn km²
Số dân: 15,7 triệu người
(năm 2021)



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia: Ăng-co Vát (Angkor Wat), Ăng-co Thom (Angkor Thom), Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...



Khởi động

Quốc kì của Vương quốc Cam-pu-chia có in hình một công trình kiến trúc nổi tiếng của quốc gia này. Em biết gì về công trình kiến trúc này?



Khám phá

1. Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên

Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia nằm ở phía tây nam bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á. Cam-pu-chia tiếp giáp với Việt Nam, Lào, Thái Lan và vịnh Thái Lan.

Đặc điểm tự nhiên

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy:

- Trình bày đặc điểm tự nhiên của Cam-pu-chia.
- Cho biết mạng lưới sông, hồ ở Cam-pu-chia có vai trò quan trọng như thế nào.

Phần lớn diện tích lãnh thổ Cam-pu-chia là đồng bằng; các dãy núi thấp, cao nguyên,... phân bố ở xung quanh. Dãy núi Các-đa-môn (Cardamom) nằm ở phía tây nam với đỉnh núi Phnôm Ao-rô (Phnom Aural) cao nhất Cam-pu-chia (1813 m).



Hình 1. Lược đồ tự nhiên Cam-pu-chia

Cam-pu-chia có khí hậu nhiệt đới, nóng quanh năm, lượng mưa khá lớn, hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa.

Mê Công là dòng sông chính, chảy theo hướng bắc – nam. Hồ Tôn-lê Sáp (Tonle Sap) còn gọi là Biển Hồ, là hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất Đông Nam Á.



Hình 2. Một góc hồ Tôn-lê Sáp

2. Đặc điểm dân cư

Đọc thông tin, em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia có số dân không lớn, khoảng 15,7 triệu người (năm 2021) nhưng tốc độ tăng khá nhanh. Mật độ dân số Cam-pu-chia đạt 89 người/km². Dân cư phân bố không đều, vùng đồng bằng đông đúc hơn rất nhiều so với vùng núi. Phần lớn dân số Cam-pu-chia sống ở nông thôn nhưng dân số thành thị có xu hướng tăng nhanh trong thời gian gần đây.

Hơn 90% dân số Cam-pu-chia là người Khơ-me, còn lại là các dân tộc khác.

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia có nhiều công trình kiến trúc nổi bật như Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, Tượng đài độc lập Phnôm Pênh, Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...

Ăng-co Thom là kinh đô cũ của Cam-pu-chia, được xây dựng vào cuối thế kỉ XII. Thành có năm cửa ra vào, mỗi cửa xây hình ba ngọn tháp theo hàng ngang, mỗi ngọn có bốn mặt Phật. Bên trong thành có nhiều đền thờ, trung tâm là đền Bay-on – ngôi đền vĩ đại với nét kiến trúc độc đáo, là điểm nhấn đặc biệt của Ăng-co Thom trong nhiều thế kỉ.



Hình 3. Đền Bay-on (Bayon) ở Ăng-co Thom



Em có biết?

Ăng-co Vát trong tiếng Khơ-me có nghĩa là “Thành phố của những ngôi đền”, là quần thể phức hợp với hơn 1 000 đền đài được xây dựng từ thế kỉ XII. Ăng-co Vát là biểu tượng của Cam-pu-chia và trở thành hình ảnh xuất hiện chính giữa trên Quốc kì Cam-pu-chia.



Hình 4. Một góc đền Ăng-co Vát

Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam được xây dựng ở nhiều tỉnh và thành phố của Cam-pu-chia. Công trình là biểu tượng cho tình đoàn kết hữu nghị giữa hai đất nước. Hiện tại, ở Cam-pu-chia có khoảng 23 tượng đài chiến sĩ tình nguyện Việt Nam với những tạo hình khác nhau, nổi bật là tượng đài ở Thủ đô Phnôm Pênh. Công trình gồm tượng hai chiến sĩ, một chiến sĩ Cam-pu-chia và một chiến sĩ là quân tình nguyện Việt Nam, trên tay cầm súng bảo vệ một người phụ nữ đang bế con nhỏ.



Hình 5. Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam đặt tại Thủ đô Phnôm Pênh



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ thể hiện một số đặc điểm tự nhiên và dân cư Cam-pu-chia.
2. Tại Cam-pu-chia, công trình nào thể hiện tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia? Hãy mô tả công trình ấy.



Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện lịch sử về một số công trình tiêu biểu ở Cam-pu-chia.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).



Khởi động

Hãy kể tên một số hoạt động có sự tham gia của nhiều nước thuộc khu vực Đông Nam Á mà em biết.



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và kể tên các nước trong khu vực Đông Nam Á.



Hình 1. Lược đồ các nước Đông Nam Á năm 2021

Đông Nam Á là một khu vực rộng lớn gồm 11 quốc gia nằm ở phía đông nam châu Á. Phía bắc khu vực Đông Nam Á giáp Trung Quốc, Ấn Độ và Băng-la-đét (Bangladesh). Các phía còn lại được bao quanh bởi Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

2. Sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy cho biết Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời như thế nào.

Sau khi giành được độc lập, với mong muốn có một tổ chức liên minh khu vực để cùng hợp tác phát triển, ngày 8 – 8 – 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan). Ban đầu, Hiệp hội có sự tham gia của 5 nước là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

Sau đó, ASEAN đã kết nạp Bru-nây vào năm 1984, Việt Nam vào năm 1995, Lào và Mi-an-ma vào năm 1997. Đến năm 1999, Cam-pu-chia được kết nạp vào ASEAN.



Hình 2. Đại diện 5 quốc gia kí tuyên bố thành lập ASEAN ngày 8 – 8 – 1967



Em có biết?

Cờ ASEAN gồm có màu xanh, đỏ, trắng và vàng, đại diện cho những màu chính của quốc kì các nước thành viên ASEAN. Màu xanh đại diện cho sự hoà bình và ổn định. Màu đỏ thể hiện sự năng động và lòng can đảm. Màu trắng thể hiện sự tinh khiết. Màu vàng biểu tượng cho sự thịnh vượng.



Hình 3. Lá cờ của ASEAN

3. Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy cho biết việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có ý nghĩa như thế nào.

Ngày 28 – 7 – 1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN. Đây là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam. Việt Nam có cơ hội mở rộng hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hoá với các quốc gia trong tổ chức, gia tăng vị thế trên trường quốc tế. Ngoài ra, việc Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN đã góp phần củng cố hoà bình, ổn định và phát triển mọi mặt của khu vực Đông Nam Á.



Hình 4. Lễ kết nạp Việt Nam gia nhập ASEAN tại Bru-nây



Hình 5. Đoàn Việt Nam tham dự Kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ 12 vào tháng 9 – 2018

Chân trời sáng tạo



Luyện tập

1. Xác định các nước trong khu vực Đông Nam Á giáp biển trên hình 1.
2. Vẽ sơ đồ trục thời gian về sự gia nhập ASEAN của các quốc gia Đông Nam Á.



Vận dụng

Hãy tìm hiểu những hoạt động của tổ chức ASEAN, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

Chủ đề 5: TÌM HIỂU THẾ GIỚI

Bài
21

CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của các châu lục, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả cầu.
- Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục.
- Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả địa cầu.
- Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.



Khởi động

Quan sát ô chữ dưới đây, em hãy:

- Sắp xếp các chữ cái để tạo thành từ có nghĩa.
- Chia sẻ những hiểu biết của em về từ đó.

Đ

Ấ

Ư

D

Ộ

N

G

N

Ơ



Khám phá

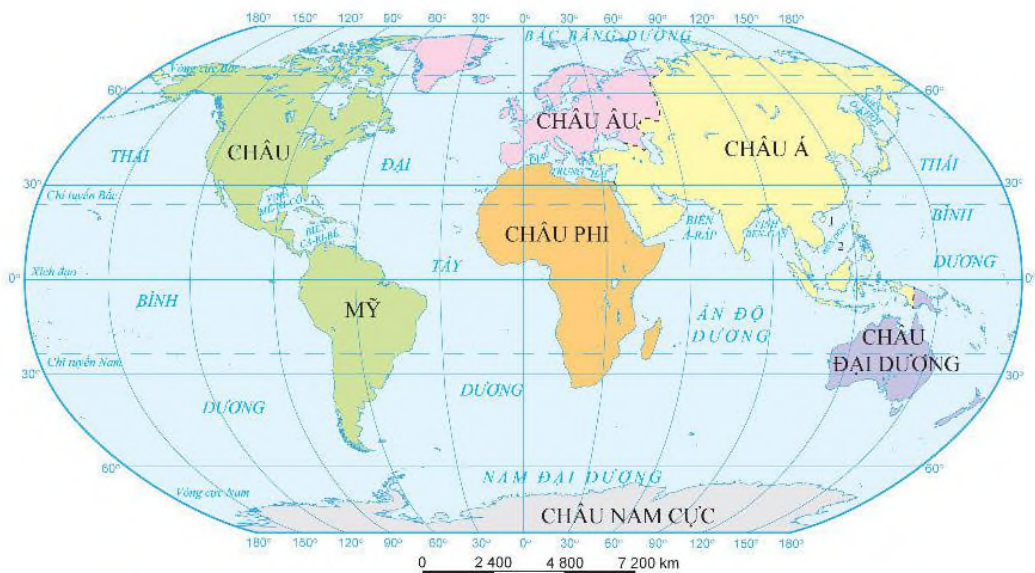
1. Các châu lục trên thế giới

Vị trí địa lí các châu lục

Quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên và xác định trên lược đồ vị trí các châu lục trên thế giới.
- Cho biết mỗi châu lục tiếp giáp với các đại dương và châu lục nào.

Thế giới có sáu châu lục, trong đó châu Á, châu Âu và châu Phi được gắn với nhau thành một khối, chủ yếu nằm ở bán cầu Bắc. Châu Mỹ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, giữa hai đại dương lớn là Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Phần lớn châu Đại Dương ở bán cầu Nam. Châu Nam Cực nằm ở khu vực quanh cực Nam của Trái Đất và cách xa các châu lục khác.



CHỮ GIẢI
 - - - - - Ranh giới châu lục 1 Quần đảo Hoàng Sa (Việt Nam) 2 Quần đảo Trường Sa (Việt Nam)

Hình 1. Lược đồ các châu lục và đại dương trên thế giới

Đặc điểm tự nhiên các châu lục

– Châu Á

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:

- Xác định vị trí các dãy núi, cao nguyên, đồng bằng và một số sông lớn ở châu Á.
- Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên châu Á.

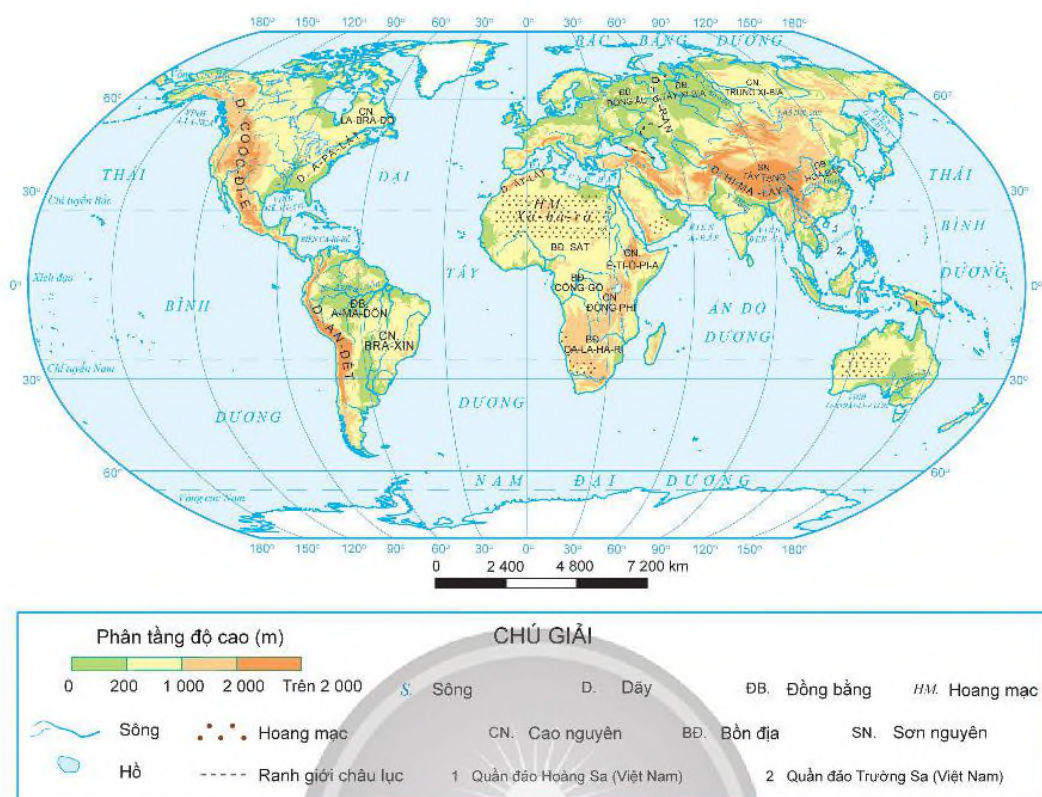
Châu Á có địa hình đa dạng với các dãy núi cao, đồng bằng rộng lớn, sơn nguyên đồ sộ... Miền núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích. Ê-vơ-rét (Everest) thuộc dãy Hi-ma-lay-a (Himalaya) là đỉnh núi cao nhất thế giới với độ cao 8 848 m. Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích. Nhiều vịnh biển và bán đảo lớn như vịnh Ben-gan (Bengal), bán đảo Ả Rập.

Khí hậu châu Á thay đổi từ bắc xuống nam, bao gồm hàn đới, ôn đới và nhiệt đới. Mạng lưới sông ngòi phát triển, nhiều sông dài bậc nhất thế giới như Trường Giang, Mê Công,...

Thiên nhiên châu Á rất đa dạng, bao gồm đài nguyên, rừng lá kim, rừng lá rộng, rừng nhiệt đới ẩm. Vào sâu trong đất liền còn có những hoang mạc rộng lớn.



Hình 2. Đỉnh núi Ê-vơ-rét



Hình 3. Lược đồ tự nhiên thế giới

– Châu Âu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy:

- Xác định vị trí các dãy núi và đồng bằng ở châu Âu.
- Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên châu Âu.

Địa hình châu Âu có đồng bằng chiếm $\frac{2}{3}$ diện tích, phần còn lại là đồi núi. Đường bờ biển kéo dài với nhiều vịnh biển và bán đảo.

Phần lớn châu Âu có khí hậu ôn đới, một phần nhỏ phía bắc có khí hậu hàn đới. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. Các sông tiêu biểu là Von-ga (Volga), Đa-nuýp (Danube),...

Thiên nhiên châu Âu đặc sắc, rừng lá rộng và rừng lá kim chiếm ưu thế; động vật đặc trưng là thỏ, gấu, tuần lộc,...



Hình 4. Rừng lá kim ở châu Âu

– Châu Phi

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 5, em hãy:

- Xác định vị trí các bồn địa, cao nguyên, hoang mạc và sông lớn ở châu Phi.
- Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên châu Phi.

Châu Phi có địa hình cao, bao gồm các cao nguyên, bồn địa, đồng bằng,... Khí hậu nhiệt đới là chủ yếu, nóng và lượng mưa ít. Mạng lưới sông ngòi tương đối thưa và ít nước. Hệ thống sông lớn nhất ở châu Phi là sông Nin (Nile) và sông Công-gô (Congo). Khu vực Đông Phi có nhiều hồ lớn và sâu.

Thiên nhiên châu Phi đặc trưng cho môi trường nhiệt đới, với nhiều loài động vật tiêu biểu như voi, tê giác, sư tử, ngựa vằn, linh dương,... Xa-ha-ra (Sahara) là hoang mạc lớn nhất ở châu Phi.

– Châu Mỹ

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 6, em hãy:

- Xác định vị trí các dãy núi, cao nguyên, đồng bằng, sông lớn ở châu Mỹ.
- Trình bày đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên châu Mỹ.

Địa hình châu Mỹ gồm ba bộ phận rõ nét: phía tây là núi cao, phía đông là cao nguyên và núi thấp, ở giữa là đồng bằng.

Châu Mỹ có đầy đủ các đới khí hậu, thay đổi từ bắc xuống nam. Sông ngòi khá phát triển, đặc biệt ở Nam Mỹ. Hai hệ thống sông lớn nhất châu Mỹ là Mi-xi-xi-pi (Mississippi) và A-ma-dôn (Amazon).



Em có biết?

Công viên quốc gia Se-ren-ge-ti (Serengeti) ở Tan-da-ni-a (Tanzania) là một trong những khu bảo tồn động vật hoang dã nổi tiếng và lâu đời nhất ở châu Phi.



Hình 5. Một góc công viên quốc gia Se-ren-ge-ti ở Tan-da-ni-a



Hình 6. Một đoạn sông Mi-xi-xi-pi

Thiên nhiên châu Mỹ rất đa dạng với các cánh rừng, đồng cỏ, hoang mạc cùng nhiều loài động vật đặc trưng như bò bi-dông (bison), con lười,... Rừng A-ma-dôn là khu rừng nhiệt đới lớn nhất trên thế giới.

– Châu Đại Dương

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 7, em hãy:

- Xác định vị trí các hoang mạc, đồng bằng, sông lớn ở châu Đại Dương.
- Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên của châu Đại Dương.

Địa hình châu Đại Dương có núi thấp ở phía đông; cao nguyên ở phía tây, trung tâm là bồn địa. Phần lớn các đảo nhỏ có địa hình thấp.

Phần lớn châu Đại Dương có khí hậu nhiệt đới, nóng quanh năm.

Sông ngòi kém phát triển do có lượng mưa ít. Thiên nhiên có nhiều loài động, thực vật độc đáo như gấu túi – koala, chuột túi, chim kiwi, bạch đàn, keo,...



Hình 7. Một phần hoang mạc Xim-sơn (Simpson)

– Châu Nam Cực

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 8, em hãy:

- Nêu đặc điểm địa hình của châu Nam Cực.
- Cho biết khí hậu và thiên nhiên châu Nam Cực có những điểm khác biệt nào so với các châu lục còn lại.

Địa hình của châu Nam Cực cao do được bao phủ bởi một lớp băng rất dày. Khí hậu hàn đới, rất khắc nghiệt. Nhiệt độ quanh năm xuống dưới 0°C , gió mạnh. Sông ngòi hầu như không có.

Thiên nhiên nơi đây đơn điệu. Động vật đặc trưng là chim cánh cụt, cá voi xanh,... Thực vật rất nghèo nàn.



Hình 8. Chim cánh cụt hoàng đế ở châu Nam Cực

2. Các đại dương trên thế giới

Đọc thông tin, dựa vào bảng số liệu và quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên và xác định trên lược đồ vị trí các đại dương trên thế giới.
- So sánh diện tích và độ sâu trung bình của các đại dương.

Đại dương bao phủ trên 70% diện tích bề mặt Trái Đất. Thế giới có năm đại dương. Các đại dương đều có diện tích rất lớn nhưng có sự khác biệt về diện tích, độ sâu, độ mặn,...

Đại dương ảnh hưởng lớn đến thiên nhiên trên Trái Đất, đời sống của con người.

Diện tích và độ sâu trung bình của các đại dương trên thế giới

Đại dương	Diện tích (triệu km ²)	Độ sâu trung bình (m)
Ấn Độ Dương	70,6	3 741
Bắc Băng Dương	14,1	987
Đại Tây Dương	106,4	3 338
Nam Đại Dương	22,0	3 270
Thái Bình Dương	165,3	4 280

(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022)



Em có biết?

Ngày 8 – 6 – 2021, Nam Đại Dương được công nhận trở thành đại dương thứ 5 trên thế giới. Đây là đại dương duy nhất tiếp giáp với ba đại dương khác và bao quanh toàn bộ châu Nam Cực.



Luyện tập

Chân trời sáng tạo

1. Lựa chọn hai châu lục đã học để hoàn thành bảng thông tin so sánh sự khác nhau về đặc điểm địa hình, khí hậu và sông ngòi theo mẫu vào vở:

Đặc điểm Châu lục	Địa hình	Khí hậu	Sông ngòi
?	?	?	?
?	?	?	?

2. Giới thiệu đặc điểm khái quát của một đại dương với các bạn cùng lớp.



Vận dụng

Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Tìm kiếm thông tin về một con sông lớn trên thế giới, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.
2. Sưu tầm một số hình ảnh thể hiện nét đặc sắc của thiên nhiên ở một châu lục mà em thích nhất, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng được bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới.
- Kể được tên và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.
- Sử dụng được lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.
- Biết ứng xử phù hợp thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.



Khởi động

Quan sát hình 1, hãy chia sẻ hiểu biết của em về dân số thế giới hiện nay.

NGÀY DÂN SỐ THẾ GIỚI 11 – 7



Khám phá

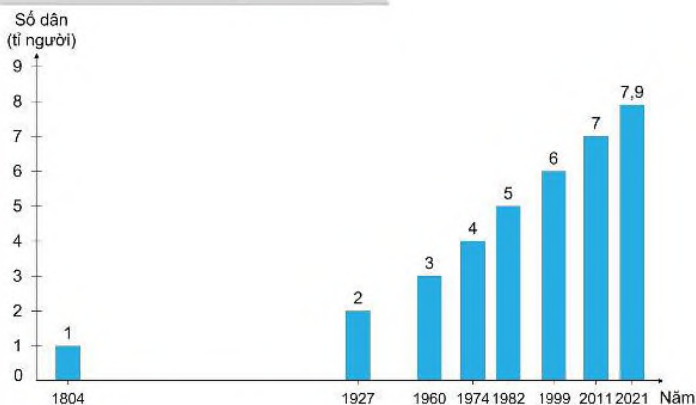
Chân trời sáng tạo

Hình 1

1. Dân số thế giới

Đọc thông tin, dựa vào bảng số liệu và quan sát hình 2, em hãy:

- Cho biết xu hướng thay đổi số dân thế giới giai đoạn 1804 – 2021.
- So sánh số dân giữa các châu lục trên thế giới năm 2021.



Hình 2. Biểu đồ thể hiện số dân thế giới giai đoạn 1804 – 2021

Trong những thế kỉ gần đây, số dân thế giới tăng rất nhanh, đạt gần 8 tỉ người (năm 2021). Mật độ dân số trung bình toàn thế giới khoảng 58 người/km²,

tuy nhiên phân bố không đều. Nơi có điều kiện thuận lợi cho sinh sống và sản xuất như địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hoà, giao thông thuận tiện, khu đô thị,... dân cư đông đúc. Những nơi có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt như hoang mạc, vùng núi cao, vùng cực lạnh giá,... dân cư rất ít.

Phần lớn dân số thế giới tập trung ở châu Á. Châu Đại Dương có số dân ít nhất.

**Số dân các châu lục
và toàn thế giới năm 2021**

Châu lục	Số dân (triệu người)
Châu Á	4 695
Châu Âu	745
Châu Đại Dương	44
Châu Mỹ	1 031
Châu Phi	1 394
Toàn thế giới	7 909

(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022)

2. Các chủng tộc trên thế giới

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy:

- Cho biết tên các chủng tộc chính trên thế giới.
- Mô tả một số nét chính về ngoại hình của các chủng tộc.
- Xác định trên lược đồ sự phân bố các chủng tộc chính trên thế giới.

Thế giới có bốn chủng tộc chính và nhóm người lai. Các chủng tộc có nhiều đặc điểm khác nhau về ngoại hình, phân bố,...



Hình 3. Các chủng tộc chính trên thế giới

Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-ít (người da trắng)

Đặc điểm ngoại hình: da trắng, tóc nâu hoặc vàng gợn sóng, mắt xanh hoặc nâu, mũi cao, môi rộng.

Đặc điểm phân bố: chủng tộc có địa bàn cư trú rộng, tập trung chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương.

Chủng tộc Nê-grô-ít (người da đen)

Đặc điểm ngoại hình: da đen, tóc xoăn, mắt to và đen, cánh mũi rộng, môi dày,...

Đặc điểm phân bố: chủng tộc phân bố chủ yếu ở châu Phi.

Chủng tộc Môn-gô-lô-ít (người da vàng)

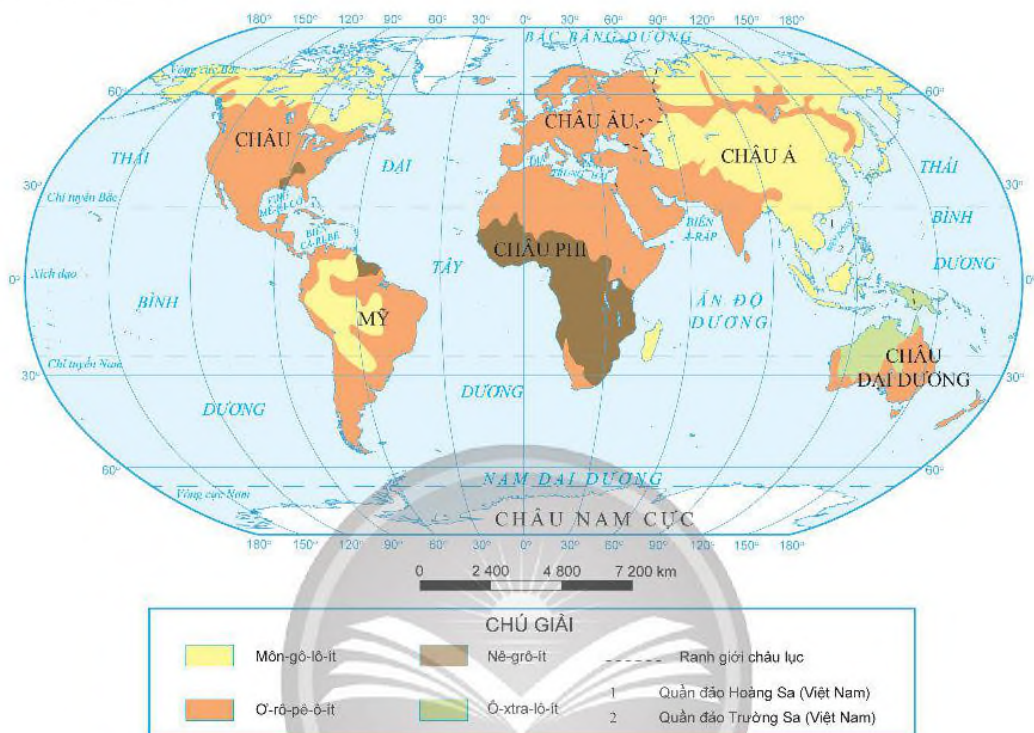
Đặc điểm ngoại hình: da vàng, tóc đen và thẳng, mắt đen, mũi thấp.

Đặc điểm phân bố: chủng tộc phân bố chủ yếu ở châu Á.

Chủng tộc Ô-xtra-lô-ít (người da đen)

Đặc điểm ngoại hình: da đen hoặc nâu đen, mắt đen, tóc xoăn và đen, mũi rộng.

Đặc điểm phân bố: chủng tộc phân bố chủ yếu ở châu Đại Dương, một số đảo ở Đông Nam Á,...



Hình 4. Lược đồ phân bố một số chủng tộc chính trên thế giới năm 2022



Luyện tập

- Dựa vào bảng số liệu trong bài, xếp thứ tự các châu lục theo số dân tăng dần.
- Hoàn thành bảng thông tin về một số đặc điểm ngoại hình của bốn chủng tộc chính trên thế giới theo mẫu vào vở:

Đặc điểm	Màu da	Tóc	Mũi	Mắt
Chủng tộc				
Ô-rô-pê-ô-ít	?	?	?	?
Nê-grô-ít	?	?	?	?
Ô-xtra-lô-ít	?	?	?	?
Môn-gô-lô-ít	?	?	?	?



Vận dụng

Em có những ứng xử như thế nào nếu học chung trường với các bạn học sinh quốc tế?



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về kim tự tháp, pha-ra-ông (pharaoh),...



Khởi động

Hình 1 gợi cho em điều gì về đất nước Ai Cập?



Hình 1. Sông Nin (Nile) ở Ai Cập



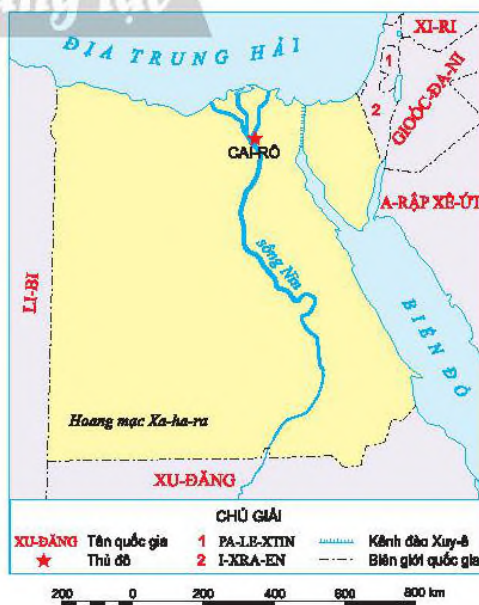
Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay.

Ai Cập nằm ở phía đông bắc châu Phi, có sông Nin chảy qua lãnh thổ. Phía bắc Ai Cập giáp Địa Trung Hải, phía đông bắc giáp I-xra-en (Israel), phía đông giáp Biển Đỏ, phía nam giáp Xu-đăng (Sudan) và phía tây giáp Li-bi (Libya).

Chân trời sáng tạo



Hình 2. Lược đồ nước Ai Cập ngày nay

2. Một số thành tựu tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy:

- Mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.
- Kể lại câu chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông.

Văn minh Ai Cập là một trong những nền văn minh cổ xưa nhất của nhân loại. Nền văn minh này đã để lại nhiều thành tựu đặc sắc: thần thoại, kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...

Thần thoại Ai Cập

Người Ai Cập cổ đại có một kho tàng truyện thần thoại đặc sắc, thể hiện được cái nhìn của con người với thế giới tự nhiên và thế giới tâm linh, đặc biệt chứa đựng nhiều giá trị về mặt lịch sử, đạo đức và pháp luật.



Các vị thần và sự ra đời của nữ pha-ra-ông đầu tiên trong lịch sử Ai Cập

Tương truyền vào một ngày nọ, thần tối cao A-mun (Amun) nói với các vị thần: “Chưa có người phụ nữ nào trở thành pha-ra-ông của Ai Cập. Ta nghĩ đã đến lúc phải thay đổi”.

“Thay đổi như thế nào, thưa cha tối cao?”. Tho (Thoth) – vị thần thông thái hỏi.

A-mun bắt đầu nói: “Thực chất, Ai-sít (Isis) đã là nữ thần của Ai Cập. Ta thấy không có lí do gì để một phụ nữ không thể trở thành pha-ra-ông”.

Ngày hôm sau, thần A-mun mang một nụ hoa nhỏ đến tặng cho pha-ra-ông Ai Cập. Một thời gian sau đó, Công chúa Hát-xép-xút (Hatshepsut) ra đời và trở thành vị pha-ra-ông nữ đầu tiên trong lịch sử Ai Cập.

(Theo Hà Thu Phương dịch, *Truyện của những nền văn minh Ai Cập cổ đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2020)



Hình 3. Tượng nữ hoàng Hát-xép-xút

Kim tự tháp

Kim tự tháp là một trong những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc của người Ai Cập cổ đại. Các kim tự tháp thường có bốn mặt hình tam giác, được xây bằng những phiến đá lớn.

Kim tự tháp là những lăng mộ kiên cố và đồ sộ, nơi chôn cất các pha-ra-ông để thể hiện quyền uy bất diệt của mình. Bên trong kim tự tháp có những hành lang, đường hầm, giếng sâu, phòng chứa quan tài, buồng để đồ đạc,...



Xây dựng Kim tự tháp Kê-ốp (Kheops)

Kim tự tháp Kê-ốp cao tới 147 m. Để xây dựng kim tự tháp này, người Ai Cập cổ đại phải đục đẽo hàng triệu tảng đá, trung bình mỗi tảng đá nặng 2,5 tấn. Pha-ra-ông Ai Cập đã huy động nhiều kiến trúc sư, thợ thủ công, nông dân và nô lệ trong hàng chục năm để thực hiện công trình này. Họ phải lao động cực nhọc. Ngày nay kim tự tháp nói chung và Kim tự tháp Kê-ốp nói riêng chính là những công trình đánh dấu nền văn hoá rực rỡ của người Ai Cập cổ đại.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẫu chuyện lịch sử thế giới*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)



Hình 4. Kim tự tháp Kê-ốp

Đồng hồ mặt trời

Đồng hồ mặt trời được người Ai Cập cổ đại phát minh vào khoảng năm 3 500 TCN. Ban đầu, đồng hồ được tạo ra từ những cột lớn và đặt dưới ánh nắng mặt trời. Bằng cách theo dõi hướng và độ dài bóng của cột dưới ánh nắng mặt trời, người Ai Cập có thể xác định thời gian trong ngày.

Khoảng 2 000 năm sau, người Ai Cập đã cải tiến đồng hồ bằng cách sử dụng một hệ thống đĩa tròn chia thành 12 phần bằng nhau và một chiếc kim. Khi Mặt Trời di chuyển trong ngày, bóng của kim sẽ đổ xuống thẳng hàng với các đường trên mặt đĩa. Từ đó, con người đã hoàn thiện dần và phát triển thành đồng hồ có 3 kim: giờ, phút, giây như ngày nay.



Hình 5. Đồng hồ mặt trời



Luyện tập

Sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện về một thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.



Vận dụng

Dựa vào kiến thức đã học và hình 5 trong bài, hãy thiết kế một đồng hồ mặt trời bằng giấy.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc,... của văn minh Hy Lạp.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc (Olympic), về các vị thần của Hy Lạp.



Khởi động

Em hãy quan sát kiểu dáng, hoa văn trên hình 1 và nêu cảm nghĩ về nghệ thuật chế tác đồ gốm của người Hy Lạp cổ đại.



Hình 1. Bình gốm của người Hy Lạp cổ đại



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay.

Hy Lạp là quốc gia nằm ở phía đông nam châu Âu. Phần lớn lãnh thổ được bao quanh bởi Địa Trung Hải, biển I-ô-ni (Ionian) và biển Ê-giê (Aegean). Hy Lạp tiếp giáp với các nước An-ba-ni (Albania), Bắc Ma-xê-đô-ni-a (Macedonia), Bun-ga-ri (Bulgaria) và Thổ Nhĩ Kỳ.



Hình 2. Lược đồ nước Hy Lạp ngày nay

2. Một số thành tựu tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, em hãy:

- Mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp.
- Kể lại câu chuyện về vị thần Prô-mê-tê (Prometheus) và Thế vận hội Ô-lim-píc.

Văn minh Hy Lạp đạt được nhiều thành tựu nổi bật: thần thoại, kiến trúc, điêu khắc,... và là nơi khởi nguồn của Thế vận hội Ô-lim-píc.

Thần thoại Hy Lạp

Thần thoại Hy Lạp là những câu chuyện kể về các vị thần của người Hy Lạp như thần Dớt (Zeus), thần A-tê-na (Athena), thần Prô-mê-tê,...



Thần Prô-mê-tê tạo ra loài người

Theo thần thoại Hy Lạp, thuở ban đầu, thế gian chỉ có các vị thần. Nhìn thấy cảnh mặt đất mênh mông, vắng vẻ, thần Prô-mê-tê và em trai Ê-pi-thê-ốt (Epithemeus) đã dùng đất sét tạo ra loài người và các sinh vật. Prô-mê-tê cũng đã lấy ngọn lửa từ thần Dớt và trao nó cho nhân loại. Với lửa, con người có thể sưởi ấm, nấu ăn, không còn sợ bóng tối và thú dữ,... Cuộc sống ngày càng phát triển, con người trở nên đông đúc hơn.

(Theo Nguyễn Văn Khoá, *Thần thoại Hy Lạp*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1987)



Hình 3. Tranh minh họa thần Prô-mê-tê trao ngọn lửa cho con người

Kiến trúc, điêu khắc

Người Hy Lạp cổ đại đã đạt đến trình độ cao về kiến trúc và điêu khắc. Nhiều công trình kiến trúc và điêu khắc của Hy Lạp cổ đại vẫn còn đến ngày nay. Đó là đền Pác-tê-nông (Parthenon), nhà hát Đi-ô-ni-xốt (Dionysos) của A-ten; hay những tác phẩm về điêu khắc như tượng thần Dớt, tượng lực sĩ ném đĩa,...

Đền thờ Pác-tê-nông là công trình kiến trúc tiêu biểu của người Hy Lạp. Đền được hoàn thành vào năm 438 TCN trên một ngọn đồi, là nơi thờ nữ thần A-tê-na.

Toàn bộ đền được xây bằng đá trắng, có ba bậc, xung quanh là dãy cột đá cẩm thạch hình tròn, được chạm khắc nhiều kiểu, nổi bật nhất là dải phù điêu khắc nổi hình người và động vật, diễn tả cảnh lễ hội với bố cục tự nhiên, hợp lí.



Hình 4. Đền Pác-tê-nông



Em có biết?

**Tượng Lực sĩ ném đĩa –
kĩ nghệ điêu khắc kinh điển
của người Hy Lạp**

Tượng Lực sĩ ném đĩa là sự phối hợp về dáng, về hình, về tỉ lệ nhằm khắc họa một lực sĩ cường tráng đang vận động toàn bộ cơ thể để vung tay ném đĩa. Về đẹp hoàn mỹ của bức tượng thể hiện ở phần chân nghiêng và thân nhìn chính diện đã tạo ra sự chuyển động một cách tự nhiên và chân thực cho tác phẩm.



Hình 5. Tượng Lực sĩ
ném đĩa

Thế vận hội Ô-lim-píc

Thế vận hội Ô-lim-píc là cuộc tranh tài thể thao của người Hy Lạp cổ đại, thể hiện sức mạnh và tình đoàn kết của người Hy Lạp cổ đại.



Thế vận hội đầu tiên trong lịch sử

Theo truyền thuyết, thần Héc-ra-lét (Heracles) đã khởi xướng Thế vận hội Ô-lim-píc đầu tiên nhằm tôn vinh cha của mình là thần Dớt. Thế vận hội đầu tiên được tổ chức vào năm 776 TCN và duy trì bốn năm một lần suốt thời gian dài đến thế kỉ thứ 4 TCN và được khôi phục vào thế kỉ XIX. Thời kì đầu, Thế vận hội Ô-lim-píc chỉ có các môn chạy, đấu vật, nhảy xa, ném lao và ném đĩa. Người chiến thắng tại thế vận hội sẽ được nhận một vòng nguyệt quế. Trong suốt thời gian diễn ra thế vận hội, các cuộc chiến tranh, xung đột đều phải tạm dừng.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), Những mẩu chuyện lịch sử thế giới, tập 1, Sđd)



Hình 6. Các hình vẽ mô tả những vận động viên Hy Lạp cổ đại tham gia Ô-lim-píc

Chân trời sáng tạo



Luyện tập

1. Kể tên các thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp. Chọn và mô tả một thành tựu văn minh mà em ấn tượng.
2. Kể lại một câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc hoặc về một vị thần của Hy Lạp.



Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh về các công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu của văn minh Hy Lạp.

Chủ đề 6: CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI

Bài
25

XÂY DỰNG THẾ GIỚI XANH – SẠCH – ĐẸP



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.
- Sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...).
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.
- Thể hiện được sự quan tâm đến vấn đề môi trường trên thế giới qua hình thức vẽ tranh, viết thư...



Khởi động

Năm 1972, Liên hợp quốc quyết định chọn ngày 5 – 6 là Ngày Môi trường Thế giới. Hãy chia sẻ những điều em biết về ngày này.



Khám phá

1. Vai trò của thiên nhiên

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy nêu vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người. Cho ví dụ.

Từ hàng nghìn năm qua, thiên nhiên luôn gắn bó chặt chẽ với đời sống và hoạt động sản xuất của con người. Những nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi (địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hoà,...) thường sẽ có đông dân cư sinh sống và nền kinh tế đa dạng.



Hình 1. Một khu vực nuôi thủy sản ở Việt Nam



Hình 2. Cảnh đồng hoa và điện gió ở Hà Lan



Hình 3. Thác Ku-ang Xi (Kuang Si) ở Lào

Thiên nhiên cung cấp nguồn thực phẩm cho con người cũng như nguồn nguyên, nhiên liệu phong phú cho các ngành kinh tế. Đồng thời, những cảnh quan đẹp giúp phát triển ngành du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho con người. Thiên nhiên còn là nơi chứa đựng các chất thải do con người tạo.

2. Một số vấn đề về môi trường

Thiên tai

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy kể tên một số thiên tai và cho biết hậu quả của nó.

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường như bão, ngập lụt, hạn hán, lũ quét, vòi rồng,... gây thiệt hại lớn đến người và tài sản.



Hình 4. Cơn bão Ê-ta (Eta) ở Trung Mỹ năm 2020



Hình 5. Hạn hán ở Na-mi-bi-a (Namibia) năm 2019



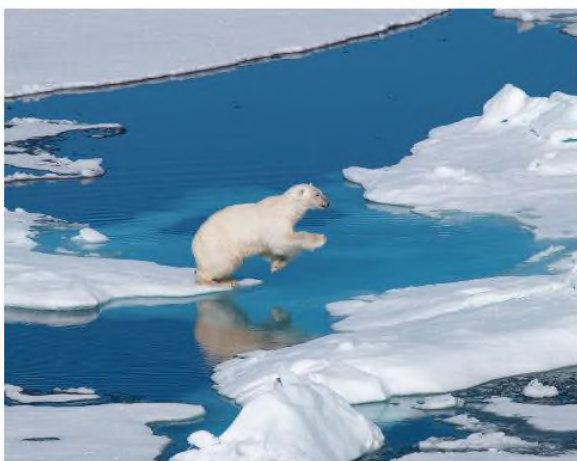
Hình 6. Ngập lụt ở Hội An (Quảng Nam) năm 2022

Biến đổi khí hậu

Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy cho biết một số biểu hiện và hậu quả của biến đổi khí hậu.

Biến đổi khí hậu biểu hiện bởi sự gia tăng nhiệt độ không khí, thay đổi về lượng mưa, băng tan, nước biển dâng và thiên tai xảy ra ngày càng phức tạp.

Biến đổi khí hậu gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng như làm ô nhiễm môi trường, gia tăng các thiên tai, suy giảm số lượng các loài sinh vật, làm thay đổi các hệ sinh thái cũng như gây thiệt hại đến sản xuất và đời sống của con người.



Hình 7. Gấu Bắc Cực mất nơi sinh sống khi băng tan

Suy giảm tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường

Đọc thông tin và quan sát hình 8, em hãy trình bày biểu hiện và hậu quả của suy giảm tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.

Con người đã khai thác nhiều tài nguyên thiên nhiên như khoáng sản, rừng, hải sản,... để phục vụ cho sản xuất và đời sống. Điều này làm tài nguyên thiên nhiên suy giảm, nhiều loại tài nguyên cạn kiệt và có nguy cơ không thể phục hồi.

Bên cạnh đó, trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên của con người, môi trường đất, nước, không khí,... trở nên ô nhiễm, gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và phát triển bền vững của thế giới.



Hình 8. Khói thải gây ô nhiễm ở Băng-la-đét



Em có biết?

Sự kiện tràn dầu ở Hoa Kỳ

Năm 2010, sự kiện tràn dầu từ giàn khoan Đép-quá-tơ Hô-ri-dôn (Deepwater Horizon) đã trở thành thảm họa môi trường nặng nề đối với Hoa Kỳ. Hơn 50 000 thùng dầu đã tràn khắp vịnh Mê-hi-cô (Mexico) trong vòng 87 ngày. Dầu tràn bao phủ một khu vực rộng lớn, tới 51 triệu m².

Sau một thập kỉ, những loài cá được đánh bắt trong khu vực vịnh Mê-hi-cô đều có hàm lượng dầu trong cơ thể cao. Bên cạnh đó, nhiều loài sinh vật đã bị suy giảm về số lượng.

3. Một số biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp

Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 10, em hãy đề xuất một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.

Ngày nay, nhân loại đã và đang thực hiện nhiều biện pháp thiết thực nhằm bảo vệ Trái Đất như tuyên truyền, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý,....



Hình 9. Một số biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp



Hình 10. Hệ thống xử lý nước thải ở Thái Lan

Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp trở thành một mục tiêu quan trọng của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.



Luyện tập

1. Kể tên một số vấn đề môi trường hiện nay. Theo em, vấn đề nào là cấp bách nhất? Tại sao?
2. Nêu một số việc làm của em để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.



Vận dụng

Vẽ một bức tranh thể hiện hành động cụ thể về ứng phó với biến đổi khí hậu.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng một số tư liệu (tranh ảnh, một số câu chuyện về Liên hợp quốc, truyền thuyết về chim bồ câu và cành ô-liu (olive), phong trào Chữ thập đỏ, Thế vận hội Ô-lim-píc,...), trình bày được mong ước và cố gắng của nhân loại trong việc xây dựng một thế giới hoà bình.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.
- Thể hiện được một thế giới trong tương lai qua hình thức vẽ tranh, viết thư, kể chuyện,...



Khởi động

Theo em, thế nào là một thế giới hoà bình?



Khám phá

1. Khát khao về một thế giới hoà bình của nhân loại

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy trình bày mong ước và cố gắng của nhân loại trong việc xây dựng thế giới hoà bình.

Từ xa xưa, nhân loại luôn khát khao về một thế giới hoà bình. Mong ước này đã sớm xuất hiện trong *Truyền thuyết về chim bồ câu ngậm cành ô-liu*, câu chuyện về Thế vận hội Ô-lim-píc và thể hiện qua một số hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc, phong trào Chữ thập đỏ,...



Truyền thuyết về chim bồ câu ngậm cành ô-liu

Theo truyền thuyết, Thượng đế đã tạo nên một trận đại hồng thủy để trừng phạt những người gian ác. Lúc bấy giờ, có một người tốt tên Nô-ê (Noah) được Thượng đế báo trước việc này. Sau trận lụt, chỉ có mỗi gia đình của Nô-ê còn sống. Khi đó, ông đã thả một con chim bồ câu để thăm dò tình hình.



Hình 1. Chim bồ câu ngậm cành ô-liu – biểu tượng của hoà bình

Lần thứ nhất, chim bồ câu không tìm được chỗ đậu nên đã bay về. Bảy ngày sau, ông thả bồ câu lần nữa. Lần này, nó ngậm cành ô-liu bay trở về. Nhờ vậy, ông biết là nước đã rút, cành cây đã nhô lên khỏi mặt nước, báo hiệu vùng đất đã an bình. Ngày nay, hình ảnh chim bồ câu được lấy là biểu tượng cho hoà bình của nhân loại.

(Theo Bờ-ri-an Pha-gan (Brian Fagan), *Bảy mươi bí ẩn lớn của thế giới cổ đại*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2003)

Thế vận hội Ô-lim-píc là sự kiện thể thao lớn nhất thế giới, nơi vận động viên của các nước thi tài với nhau để tăng cường tình đoàn kết hữu nghị.



Thế vận hội Ô-lim-píc

Thế vận hội hiện đại được tổ chức lần đầu tiên tại A-ten vào năm 1896. Thế vận hội được lấy ý tưởng từ các cuộc thi đấu thể thao thời Hy Lạp cổ đại, tổ chức bốn năm một lần tại đền thờ thần Dớt ở thành phố Ô-lim-pi-a (Olympia). Ngày nay, thế vận hội gồm Thế vận hội mùa hè và Thế vận hội mùa đông được tổ chức xen kẽ, cách nhau 2 năm. Thế vận hội biểu tượng cho tinh thần hợp tác, đoàn kết giữa các quốc gia và hoà bình của toàn nhân loại.



Hình 2. Lá cờ của Thế vận hội

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẫu chuyện lịch sử thế giới*, tập 1, Sđd)

Năm 1863, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế được thành lập dựa trên ý tưởng của Hen-ri Đu-nân (Henry Dunant). Hiện nay, phong trào Chữ thập đỏ có sự tham gia của hàng triệu tình nguyện viên, thành viên và nhân viên trên toàn thế giới làm nhiệm vụ bảo vệ sức khoẻ của con người.

Năm 1945, tổ chức Liên hợp quốc được thành lập với mục đích chính là duy trì hoà bình và an ninh thế giới. Thông qua các hoạt động như giải quyết các xung đột bằng biện pháp hoà bình, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền con người,... sự ra đời của tổ chức này đã mở ra một giai đoạn mới trong việc gìn giữ hoà bình thế giới.



Hình 3. Trụ sở của Liên hợp quốc ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ)

2. Một số biện pháp xây dựng thế giới hoà bình

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy nêu một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.

Xây dựng thế giới hoà bình là nhiệm vụ quan trọng của mỗi công dân. Một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình:

- Thành lập lực lượng gìn giữ hoà bình;
- Tham gia các diễn đàn về hoà bình, xây dựng các mối quan hệ hợp tác, hữu nghị,...
- Giải quyết các tranh chấp, xung đột bằng biện pháp hoà bình,...



Hình 4. Chiến sĩ Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc năm 2021



Hình 5. Diễn đàn hoà bình Pa-ri (Paris) năm 2022

Chân trời sáng tạo

Luyện tập

1. Kể tên những hoạt động của nhân loại trong việc xây dựng thế giới hoà bình.
2. Để xây dựng thế giới hoà bình, học sinh cần làm những gì?

Vận dụng

Vẽ một bức tranh hoặc kể một câu chuyện về một thế giới tương lai bằng trí tưởng tượng của em.

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

ÔN TẬP HỌC KÌ I

Câu 1. Em hãy sắp xếp các thông tin ở cột A và cột B cho phù hợp để hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây vào vở:

Cột A	1	2	3	4	5
Cột B	?	?	?	?	?

Cột A	Cột B
1. Biểu tượng của Việt Nam	a) Quốc kì
	b) Nhiệt đới ẩm gió mùa
2. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo	c) Xác lập chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa
	d) Mạng lưới sông ngòi dày đặc
3. Thiên nhiên Việt Nam	e) Đổi mới công nghệ khai thác, chế biến
	g) Xếp thứ 3 ở khu vực Đông Nam Á
	h) Quốc huy
4. Dân cư Việt Nam	i) $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi
	k) Quần đảo Trường Sa
5. Biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai	l) 54 dân tộc
	m) Dự báo thông tin thời tiết kịp thời
	n) Quốc ca

Câu 2. Em hãy hoàn thành bảng thông tin theo mẫu dưới đây vào vở:

Nước Văn Lang, Âu Lạc	
Thời gian ra đời	?
Kinh đô	?
Các bằng chứng khảo cổ học	?
Một số truyền thuyết	?

Vương quốc Phù Nam	
Thời gian ra đời	?
Truyền thuyết	?
Một số hiện vật khảo cổ học	?
Vương quốc Chăm-pa	
Thời gian ra đời	?
Một số đền tháp	?

Câu 3. Em hãy vẽ đường thời gian thể hiện các cuộc đấu tranh tiêu biểu thời Bắc thuộc.

Câu 4. Em hãy hoàn thành bảng thông tin về một số triều đại ở Việt Nam theo mẫu dưới đây vào vở:

Số thứ tự	Tên triều đại	Thời gian ra đời	Những nét chính
1	?	?	?
2	?	?	?
3	?	?	?
4	?	?	?

ÔN TẬP CUỐI NĂM

Câu 1. Em hãy vẽ đường thời gian thể hiện diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Câu 2. Em hãy nêu điểm khác nhau giữa thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam.

Câu 3. Em hãy hoàn thành bảng thông tin theo mẫu dưới đây vào vở:

Quốc gia	Trung Quốc	Lào	Cam-pu-chia
Vị trí địa lí	?	?	?
Đặc điểm tự nhiên	?	?	?
Đặc điểm dân cư	?	?	?
Một số công trình tiêu biểu	?	?	?

Câu 4. Em hãy nêu sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội.

Câu 5. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy:

a) Hoàn thành bảng thông tin theo mẫu dưới đây vào vở:

Châu lục	Châu Á	Châu Âu	Châu Phi	Châu Đại Dương	Châu Nam Cực
Vị trí địa lí	?	?	?	?	?
Đặc điểm tự nhiên	?	?	?	?	?
Số dân	?	?	?	?	?

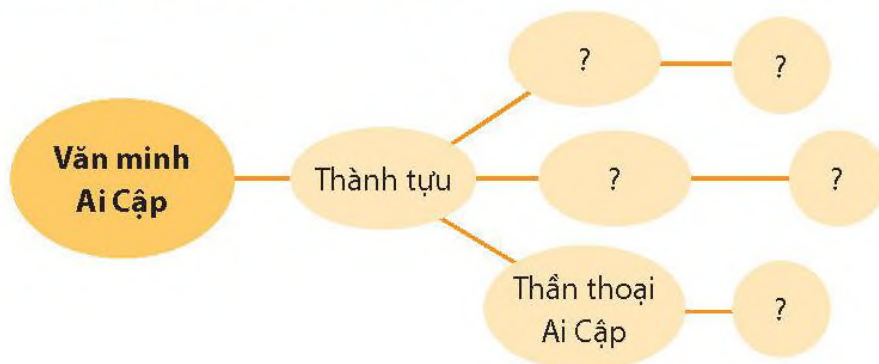
b) Sắp xếp các đại dương theo thứ tự giảm dần về:

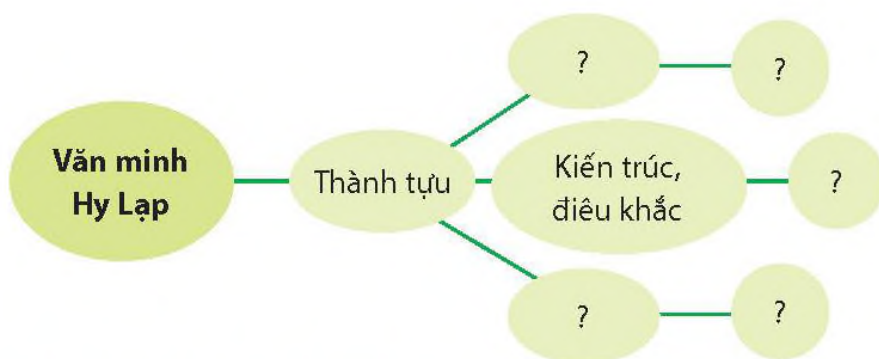
- Độ sâu trung bình
- Diện tích

Câu 6. Em hãy cho biết tên các chủng tộc tương ứng với các hình dưới đây:

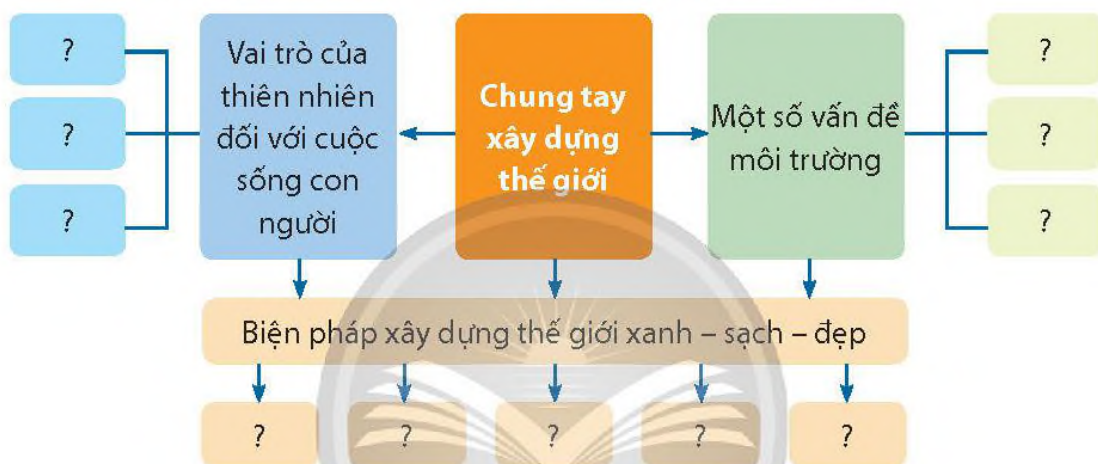


Câu 7. Em hãy hoàn thành sơ đồ về một số thành tựu của văn minh Ai Cập và văn minh Hy Lạp theo mẫu dưới đây vào vở:

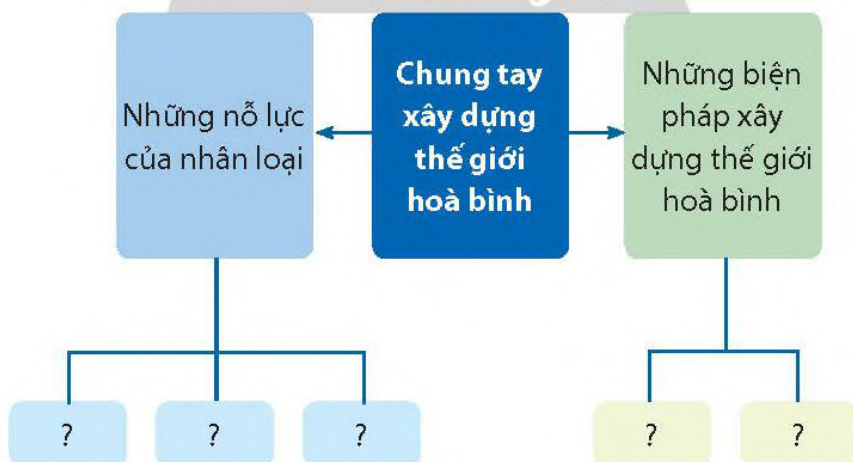




Câu 8. Em hãy hoàn thành sơ đồ theo mẫu dưới đây vào vở:



Câu 9. Em hãy hoàn thành sơ đồ theo mẫu dưới đây vào vở:



THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích thuật ngữ	Trang
Biến đổi khí hậu	sự thay đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình nhiều năm.	99, 100, 101, 102
Bồn địa	khu vực rộng lớn, trũng thấp, có dạng lòng chảo.	86, 87
Cách mạng	cuộc biến đổi lớn trong xã hội nhằm lật đổ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới tiến bộ hơn.	7, 51, 52, 53, 55, 62, 107
Cần vương	phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp xuất phát từ mệnh lệnh của vua Hàm Nghi ban ra từ Tân Sở, gửi cho toàn dân để mọi người thi hành nghĩa vụ "cứu vua, giúp nước".	21, 49, 50
Chăm-pa	một quốc gia cổ ra đời vào thế kỉ II, có địa bàn tương ứng với miền Trung Việt Nam hiện nay.	30, 31, 32, 107
Châu lục	một bộ phận của thế giới, gồm nhiều quốc gia nằm trên một vùng đất nổi rộng lớn và các đảo xung quanh.	83, 84, 87, 88, 89, 90, 91, 108
Chiến dịch	toàn bộ những việc làm tập trung và khẩn trương về quân sự, tiến hành trong một thời gian nhất định, nhằm thực hiện một mục đích nhất định.	56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 107
Chiếu	văn bản vua dùng để ban bố mệnh lệnh, được công bố một cách trang trọng, có ảnh hưởng lớn đến vận mệnh của triều đại, đất nước.	36, 49, 50
Chủng tộc	tập hợp người có những đặc điểm bên ngoài giống nhau, di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác như màu da, tóc, mũi,...	89, 90, 91, 108
Đại dương	khoảng nước mặn rộng lớn, bao quanh các châu lục.	83, 84, 87, 88, 90, 91, 108
Điêu khắc	loại hình nghệ thuật thể hiện hoặc gợi tả sự vật trong không gian bằng cách sử dụng những chất liệu như đất, đá, gỗ, kim loại,... để tạo thành những hình thù nhất định.	95, 96, 97, 98, 109
Điều trần	bản trình bày ý kiến theo từng điểm, đệ trình lên triều đình để nghị thực hiện một cải cách cụ thể.	49
Hàn đới	khu vực có nhiệt độ trung bình năm dưới 0°C, có giới hạn từ vòng cực Bắc đến cực Bắc, từ vòng cực Nam đến cực Nam.	84, 85, 87
Hoang mạc	vùng đất rộng lớn, gần như hoang vu, có ít sinh vật, khí hậu khắc nghiệt.	69, 84, 86, 87, 90
Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa	đặc trưng ở vùng nhiệt đới, khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều và chịu ảnh hưởng của gió mùa.	11

Kim tự tháp (Ai Cập)	lăng mộ bảo quản xác ướp của các pha-ra-ông (vua Ai Cập) thời cổ đại.	92, 93, 94
Lỗ châu mai	một lỗ nhỏ ở pháo đài, thành lũy, lô cốt hay các công trình quân sự để bắn tên hoặc đạn ra ngoài.	59
Mai phục	đem quân giấu ở chỗ kín đáo để chờ đối phương đến thì chặn đánh một cách bất ngờ.	35, 42, 46
Mít tinh	cuộc hội họp của quần chúng để biểu tình hay làm việc.	52
Nghĩa quân	những người chiến sĩ tham gia khởi nghĩa. Người có nghĩa khí, dám hi sinh vì việc lớn.	20, 21, 34, 44, 45, 50
Ôn đới	khu vực có nhiệt độ trung bình năm trên 0°C nhưng dưới 20°C, có giới hạn khoảng từ chí tuyến Bắc đến vòng cực Bắc, từ chí tuyến Nam đến vòng cực Nam.	69, 84, 85
Pháp thuộc	một giai đoạn trong lịch sử Việt Nam kéo dài từ năm 1884 đến năm 1945.	16
Phòng tuyến	dải địa hình có xây dựng các công trình chiến đấu và bố trí lực lượng thành hệ thống chống lại sự tấn công của giặc.	39
Rừng lá kim	gồm các loại cây lá nhỏ, nhọn như thông, tùng, trắc bách diệp, pơ mu,...	69, 84, 85
Rừng lá rộng	gồm các loại cây lá to, rụng vào mùa đông như sồi, phong, dẻ gai,...	84, 85
Sĩ, nông, công, thương, binh	tầng lớp xã hội, bao gồm: sĩ (người có học, có hiểu biết), nông (nông dân), công (người làm thủ công nghiệp), thương (người hoạt động buôn bán), binh (binh lính, lực lượng quân đội).	9
Sơn nguyên	một phần rộng về diện tích trên bề mặt Trái Đất, là sự kết hợp của các bình nguyên, cao nguyên, dãy núi và khối núi, đôi khi xen kẽ với các vùng lòng chảo, ở độ cao lớn.	69, 84
Tam khôi	ba học vị cao nhất trong kì thi Đình. Người đứng đầu là Trạng nguyên, người đứng thứ hai là Bảng nhãn, người đứng thứ ba là Thám Hoa.	41
Thực dân (quốc gia)	nước đem quân sang xâm lược, đặt ách thống trị lên quốc gia khác, sau đó, tiến hành vơ vét, bóc lột thuộc địa.	21, 49, 50
Trận địa	khu vực địa hình dùng để bố trí lực lượng chiến đấu.	35, 42, 46, 57
Trước Công nguyên (TCN)	quy ước chỉ thời gian trước năm Chúa Giê-su ra đời. Đối với thời gian, con số chỉ năm càng nhỏ thì khoảng cách thời gian càng gần với hiện tại.	22, 25, 33, 35, 94, 96, 98
Văn minh	sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người, là trạng thái phát triển cao của văn hoá.	22, 62, 92, 93, 94, 95, 96, 98, 108, 109

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TÚ LINH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẤN

Biên tập mỹ thuật: ĐÀO THỊ HÀ

Thiết kế sách: ĐẶNG NGỌC HÀ – NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Minh họa: ĐÀO THỊ HÀ

Sửa bản in: NGUYỄN TÚ LINH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẤN

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 (Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:..... địa chỉ

Cơ sở in:..... địa chỉ

Số ĐKXB:

Số QĐXB:.../QĐ - GD - HN ngày tháng năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP MỘT
2. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP HAI
3. TOÁN 5 – TẬP MỘT
4. TOÁN 5 – TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 5 Family and Friends
(National Edition) – Student Book
6. ĐẠO ĐỨC 5
7. KHOA HỌC 5
8. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
9. TIN HỌC 5
10. CÔNG NGHỆ 5
11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 5
12. ÂM NHẠC 5
13. MĨ THUẬT 5 (BẢN 1)
14. MĨ THUẬT 5 (BẢN 2)
15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 1)
16. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 2)

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Cào lớp nhũ trên tem rồi quét mã
để xác thực và truy cập học liệu điện tử.

